

## BẢN LUẬN 12

Trong giải thích Sở duyên của Tác ý, từ đây xuống biện chung thứ ba, vẫn có bảy đoạn:

1. Nguyên nhân của tu Tác ý.
2. Bốn Duyên nhập Đăng chí.
3. Bốn căn Vô ký.
4. Sai biệt của Vị tịnh định.
5. Bốn phần Định dị.
6. Thứ lớp siêu việt nhập xuất.
7. Huân tu sai biệt.

Lại nữa, ngay khi tu tập Tác ý này, chán hoại Sở duyên là Gia hạnh đạo, xả các Phiền não là Vô gián đạo, giữ gìn sự đoạn diệt là giải thoát đạo, khiến cho Phiền não nối nhau xa lìa là Thắng tấn đạo.

Trong bốn Nhân duyên nhập Đăng chí, văn phân làm ba đoạn: 1. Nêu. 2. Giải thích. 3. Kết thành.

Ái (ưa thích) các Tĩnh lự cõi trên, là người bốn căn Vô ký được Định khởi, bốn loại căn này không phải một người có thể khởi đủ bốn căn, Ái tức là Tham tâm sở, Kiến tức là Kiến thủ, Mạn tức là Ngã mạn, Nghi tức là Si nghi. Trong đây trước hết do Văn mà khởi, đó là chưa chứng đắc Định mà khởi bốn căn, không phải chỉ là tánh Vô ký, vì cõi Dục thông với bất thiện, hoặc đã đắc Định rồi sau đó mới khởi bốn loại, đó mới là Vô ký.

“Kiến trong Tĩnh lự của cõi trên, như vậy đã nhập rồi mới có thể tự nhớ nhiều kiếp của quá khứ mà sinh các Kiến đó v.v...”, là do đắc Định rồi, khởi toàn phần bốn loại Thường kiến, tổng duyên thế gian không phải chỉ phỏng theo Định, cho nên không phải Kiến là chỗ của Tĩnh lự cõi trên. Chấp Kiến này không buông xả gọi là Kiến thủ, nhưng trong văn này chỉ nói có thể được tịnh, không nói Thể thù thắng, vì chân thật thì khó hiểu, thù thắng thì dễ hiểu. Định v.v... là Thường kiến, vì Uẩn làm Sở y, cũng là Cảnh của Kiến thủ. Trong đây Ái duyên các Địa cõi trên, chỉ có Thức là giải thích đầy đủ, khi chưa đắc Định thì Ngã mạn duyên Địa này mà sinh, đồng Địa mà chấp, vì tổng duyên năm Uẩn mới có thể được. Mạn sau khi đắc Định, duyên các Địa kia mà khởi, vì cũng đồng Địa, vì không duyên riêng với Ngã mạn, duyên các Địa khác mà sinh, tổng duyên cũng có thể như vậy. Như Duy Thức ghi: “Chính là nghi một pháp”. Quán sát thế văn đó thì chỉ có người tu xuất thế mới khởi, vì duyên nghi của Thánh đế. Căn cứ theo thù thắng mà nói, thì lý

thông với các Hữu khác, vì đối với các Thăng định khác cũng khởi nghi. Tánh khi chưa đắc Định thì thông với bất thiện, nếu đã đắc Định rồi, gọi là căn Vô ký, vì đó là Định phiền não làm Căn bản, khởi sinh phiền não Ái vị định có hai nghĩa:

1. Thông với Vị chí hữu, căn cứ theo Liễu tướng của cõi trên, đã thông với Văn tuệ, thì tán tâm của Vị chí địa đầu có hại gì nhiễm tâm Vị chí địa. Nếu đắc Căn bản định thì đắc Tự tại rồi mới khởi hiện tiền.

2. Vị chí địa không có nhiễm, là Liễu tướng cũng thông với Văn tuệ, như Duy Thức số giải thích: “Sở ái vị của nó phải nói là đã ra khỏi, Năng ái vị của nó phải nói là đang nhập vào”, Sở ái vị định là Tịnh định, đã nhập vào quá khứ, xuất nơi hiện tại. Năng ái vị của nó làm nhiễm ô tâm Định, vì tại nơi hiện tại. “Phải nói đang nhập”, đây là chỉ có Ái tâm sở nắm lấy sâu Sở duyên. “Thuận Thoái phần định”, là có độn căn. “Thuận trụ phần định”, là có trung căn. “Hoặc tánh lợi căn v.v...”, trong đây chỉ y theo bốn hạng người mà thành bốn loại căn, cho nên luận này nói căn, không phải y theo một người mà thành bốn loại.

Dưới đây quyển 13 nói bốn Liễm hạnh. Kinh nói y theo một người thứ tự tu, đạo lý cũng có thượng căn mà tu Thoái hạ căn, cũng có hạ căn mà tu Bất Thoái thượng căn, chính là Thoái phần định, là Thoái lui Trụ phần định của nó mà tướng tâm nhiễm có nhập xuất, đã không phải Thăng tấn, cũng không phải Thoái lui xuống Thuận thăng phần định. Định phỏng theo người khác thì tu Định là lợi căn, không cùng với nhiễm tâm mà có xuất nhập. Quyển 4 cũng nói Thuận quyết trạch phần định có thể sinh Vô lậu, không phải Thăng phần định. Quyển 13 nói, trong kinh Tứ Liễm Hạnh, thuận thăng phần định là không phải Thoái không phải trụ, chỉ là Thăng tấn, không phải tiến đến Quyết trạch, cho nên Quyết trạch tức là phần, gọi là Quyết trạch phần. Phần có nghĩa là chi, có nghĩa là loại.

- Bốn loại Định này:

1. Biện về hành tướng, nghĩa cũng như văn.

2. Biện về tánh, chỉ có Hữu lậu thiện.

3. Y theo Địa, thông với cõi Sắc và cõi Vô sắc, vì Hữu đánh cũng có thể sinh tâm Vô lậu, nhưng lấy nghĩa làm chuẩn thì không phải bảy cận phần nói trên, có phần thứ tư, vì không thấy tướng tâm Vô lậu nhập xuất, mới khởi thì không phải như vậy, sau khi khởi thì có thể được, cho nên đều có bốn phần, không có văn ngăn trách.

4. Phần thứ nhất có thể sinh hai phần, là Tự phần và Trụ phần. Trụ phần sinh ba, trừ phần thứ tư ra. Phần thứ ba cũng sinh ba, trừ Thoái

phần. Phần thứ tư sinh một, đó là Tự loại.

Nêu Loại và Dị, Thuận phần và Thoái phần thuận với phiên não, Trụ phần thì thuận với Địa của tự nó, Thuận thắng phần thì thuận với Địa cõi trên, Thuận quyết trạch phần thì thuận với Vô lậu.

Nương theo khởi, cõi dưới khởi bốn phần, hai cõi trên chỉ có ba phần, không có bắt đầu, vì là Bất Thoái.

Trong Vô gián, Nhập đẳng chí, Lậu, Vô lậu, thuần và tạp ba thứ và bốn loại.

Ba thứ là:

1. Thuần Hữu lậu.
2. Thuần Vô lậu.
3. Hữu lậu vô lậu tạp.

- Bốn loại là:

1. Thuận nhập.
2. Nghịch nhập.
3. Thuận nghịch nhập.
4. Nghịch thuận nhập.

Trong Nhập đẳng chí này chỉ có hai loại đầu.

Trong Siêu việt nhập đẳng chí, Hữu lậu vô lậu thuần và tạp có ba loại Siêu, mỗi loại cũng đều có bốn thứ, trong đây phân rõ chỉ có hai loại đầu, lời văn thông nhau, như vậy hợp chung có hai mươi bốn câu, trên đã phân rõ Loại và Biệt. Người nào có thể Siêu? Chử Siêu này, chỉ có Vô học, không phải Hữu học, chỉ có lợi căn, không phải độn căn. “Y theo cõi”, thì chỉ có cõi Dục, không phải hai cõi trên, nếu khởi Tâm của cõi Sắc mà xuất Định, thì có thể có Văn tuệ, Dị thực sinh tâm và Thông quả tâm. Hiện tại lấy Tâm của Phi tướng địa mà xuất, thì xuất định tại tâm nào? Phi tướng địa kia không có Văn tuệ, Uy nghi, Công xảo và Thông quả tâm, không phải khác Địa mà khởi Sinh đắc thiện tâm và Dị thực sinh tâm. Nghiệp quả không phải khác Địa mà khởi Sinh đắc thiện tâm và Dị thực sinh tâm. Nghiệp quả, là không khác Địa mà khởi, căn cứ theo Diệt tận định mà xuất, duyên ba loại Cảnh, tiếp xúc với ba loại Xúc, thừa nhận duyên nội ngoại Uẩn hữu vi mà sinh, đâu có hại các Địa của cõi Dục khởi Dị thực sinh tâm của Hữu đẳng địa. Phi nghiệp quả, nhưng tướng của nó khó biết, do đó phải nói là từ Hữu lậu và Vô lậu mà xuất, tại Dị loại thì gọi là Xuất tâm, không phải chủ yếu là Tán vị. Nếu như thế Hữu lậu vô lậu gián đoạn mà nhập các Đẳng chí, thì thế nào là Trụ dị loại? Hiện tại nói Trụ dị, là Hành tướng riêng Loại, gọi đó là Xuất, hoặc được khởi vô ký Tâm, chưa trái lý, vì rất xa. “Không có khả

năng siêu vượt Đẳng chí thứ ba, chỉ trừ chư Như Lai v.v...”, đây là căn cứ theo những người cực tự tại, siêu vượt tất cả Địa mà nói. Hoặc bảy Địa về trước và Ba-la-mật-đa Thanh văn cũng có thể siêu hai Địa cho đến bảy Địa. Đại Mục-kiền-liên nhập Vô sở hữu xứ định, nghe tiếng voi, liền từ đó mà xuất Định, vượt qua chỗ khởi của nhiều Địa, trong quyển 63 có thuyết minh đầy đủ việc này. Lại nữa, nương vào Tự tại mà vượt qua tất cả Địa, là chư Phật và Bất Thoái Bồ-tát, ngoài ra những người khác thì không thể vượt qua nhiều Địa. Nếu tùy ý khởi, không phải những hạng siêu thiên mà tất cả đều được, cũng như chuyển sinh trong chín Địa và Đại Mục-kiền-liên, cho nên ở đây không nói, vì ở đây chỉ thuyết minh về sự siêu vượt.

- Trong Huân tu, vẫn cũng có hai nghĩa:

1. Thuyết minh Tọa tu.
2. Thuyết minh Tu sinh sai biệt.

Vấn thuyết minh Tọa tu có hai đoạn là Nêu và Giải thích.

- Huân có năm loại:

1. Thuần Hữu lậu định huân tu, là sinh bốn Tịnh lự của cõi dưới, trừ năm Tịnh cư ra, như dưới đây nói Nhuyễn tu, Trung tu và Thượng tu, thọ quả của ba Địa.

2. Thuần Vô lậu định huân tu, là Biến dịch sinh tử từ Địa thứ tám trở lên, vì Hữu lậu định đã hết.

3. Hữu lậu vô lậu tạp tu, tức là chỗ nói ở đây, là đối với Đẳng chí đắc Tự tại và thọ quả Tự tại của Đẳng chí, xen tạp tu tập mà sinh ra năm Tịnh cư v.v...

4. Hữu lậu định tán tạp huân tu, là A-la-hán xả phước mạng hạnh, nuôi dưỡng quả phước mạng.

5. Vô lậu định tán tạp huân tu, là Nhị thừa và Bồ-tát Biến dịch sinh tử bảy Địa trở về trước.

Trong Tọa tu thứ ba, Hữu lậu làm Nhị biên, một sát-na của Vô lậu, trong đó làm Tu thành mãn, như nghiệp của năm Tịnh cư, Di sinh thân tạo Chủng tử trong thân, tùy ý chỉ có thể chiêu cảm các Thiên xứ cõi dưới, do khởi mong cầu mà huân tu thành mãn, lực của Vô lậu định nuôi dưỡng Chủng tử của nghiệp trước kia, khiến cho thế lực thù thắng, vì sinh năm Tịnh cư, không phải Hữu lậu mà là Trung phẩm, vì lực của nó yếu, tức là cùng với Tiểu thừa có chút ít bất đồng. Lại nữa, niệm Hữu lậu ban đầu là Gia hạnh đạo, phục trừ Định chướng, niệm kế đó là Vô lậu làm Vô gián đạo, ngay khi trừ Định chướng, một niệm sau cùng là Hữu lậu làm giải thoát đạo, cho nên huân tu đầy đủ. Nếu lấy

Hữu lậu làm Trung phẩm, Vô lậu làm Nhuyễn và Thượng phẩm, thì lẽ nào lại lấy Vô lậu làm Gia hạnh và Hữu lậu làm Vô gián đạo hay sao? Giải thoát đạo cuối cùng có thể làm trợ giúp, cho nên chỗ trợ giúp thuận nhau. “Hoặc ngay tại Thời, Xứ và Sự có thể nhập các Định”, chỗ nương trụ của thân gọi là Xứ khởi Định, sáng tối, thời tiết... gọi là Thời. Tùy duyên theo Cảnh nào gọi là Sự? Nếu có Thủ khác, Thủ đó là Thủ chi, có Tàn nghiệp nhuận sinh, Thủ sinh, thì liền sinh Tịnh cư. Quả Đăng chí có hai loại:

1. Đắc công đức quả.
  2. Sinh Tịnh cư quả.
- Trong Tu sinh sai biệt, có bốn loại:
1. Sinh nhân.
  2. Nhiễm Thoái thiện tấn.
  3. Tu nhân xứ.
  4. Biện về sai biệt.

“Đã sinh bốn loại sai biệt kia rồi, nếu khởi Ái vị thì liền bị lui mất”, không phải Định trong các Địa trên có thể bị lui mất, mà do nhiều Ái vị làm tổn giảm thọ mạng, cho nên nói là “liền bị lui mất”, đây là Thoái sinh.

Trong rộng phân biệt năm môn của Địa này, từ đây trở lên là ba đoạn, giải thích bốn môn đã xong. Đoạn thứ tư sau đây giải thích nghĩa Tông yếu tối hậu chúng tạp của các kinh, vẫn phân làm hai đoạn:

1. Giải thích Tông yếu, tức là giải thích chỗ nói Tưởng ở trước, nêu ra bốn môn: Tĩnh lự, Giải thoát, Đăng trì và Đăng chí, trong bốn môn này chỉ giải thích ba môn sau, vì môn Tĩnh lự đã giải thích rồi.
2. Quyển thứ 13 mới giải thích nghĩa của Tạp.

Tuy hai đoạn này đều là giải thích kinh, nhưng Tạp nghĩa của các Môn mỗi mỗi đều có riêng biệt, phân thành hai loại, trong loại thứ nhất phân hai phần:

1. Nêu, sau sẽ nói.
2. Tùy giải thích riêng.

Trong phần giải thích riêng này lại có ba đoạn:

- a. Giải thích Giải thoát.
- b. Giải thích Đăng trì, là ba loại Tam-ma-địa trở lên.
- c. Giải thích Đăng chí, là Ngũ hiệ kiến và Tam-ma-bát-đề trở

xuống.

Môn thứ nhất có bốn loại:

1. Giải thích Giải thoát.

2. Giải thích Thắng xứ.
3. Giải thích Biến xứ.
4. Tổng liệu giản.

Tuy Thắng xứ và Biến xứ căn cứ theo chỗ nêu trước mà nói, nhưng tại Đẳng chí môn, thì ở đây y theo thứ lớp Tu sinh. Kế đó là thuyết minh giải thoát, trước vì tùy theo Tạng khởi của pháp khác mà dẫn sinh, hoặc vì tùy theo Thắng nghĩa, lia giải thoát nhập Đẳng chí môn, giải thoát là công dụng rất thù thắng để trừ Chướng, cho nên riêng một môn nêu nó ra, đây là vì mới Tu thứ tự thì phải như vậy, cho nên luôn tiện thuyết minh về nó, không trái nhau. Tám giải thoát lấy mười môn phân riêng, trong văn có ba đoạn: Một là nêu tên gọi; hai là giải thích tổng tên gọi; ba là phân tích Hành tướng.

1. Nêu tên gọi, có tám tên gọi:
  - a. Hữu sắc quán các sắc giải thoát.
  - b. Nội Vô sắc tướng quán ngoại các sắc giải thoát.
  - c. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
  - d. Không Vô biên xứ giải thoát.
  - e. Thức Vô biên xứ giải thoát.
  - f. Vô sở hữu xứ giải thoát.
  - g. Phi tướng Phi phi tướng xứ giải thoát.
  - h. Diệt tận giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.

Theo Câu-xá quyển 29 ghi: Môn thứ nhất gọi là “Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát”, vì Tướng quán tăng thêm, cho nên lập tên Tướng quán, bên trong chưa phục trừ; Sắc tướng của người nhìn thấy gọi là Nội hữu sắc; chỉ có Quán ngoại cảnh, gọi là Quán ngoại sắc”. Đại thừa thì không phải như vậy, chưa lia Dục dục của cõi Sắc, hoặc tuy đã lia Sắc tướng của người nhìn thấy, nhưng an lập hiện tiền thì gọi là Hữu sắc, thông quán bên trong bên ngoài thì gọi là Quán các sắc. “Nội Vô sắc tướng quán ngoại các sắc”, đó là của Tiểu thừa kia nói, vì bên trong đã phục trừ Sắc tướng, gọi là Nội vô sắc tướng, chỉ có quán ngoại cảnh thì gọi là Quán ngoại sắc. Hiện tại luận này nói, đã nương vào Vô sắc định lia Nhiễm của cõi Sắc, gọi là Nội vô sắc tướng, tức là các Sắc này vì đã ra khỏi Nhiễm cho nên gọi đó là Ngoại, quán Ngoại này làm Cảnh gọi là Quán ngoại sắc. Hai chữ Quán ở trên, là Biến hóa tự tại, ý hiểu tư duy trong các Sắc, hiển thị các Tướng kia. Giải thoát, là có thể giải thoát chướng biến hoá. Đối Pháp luận ghi: “Nội là nội thân, đã nương vào Vô sắc định phục trừ Sắc tướng của người nhìn thấy, gọi là Nội vô sắc”, cùng với luận này bất đồng. “Tịnh giải thoát tác chứng cụ

túc trụ”, Tịnh là trong Tĩnh lực thứ tư lia tám thứ Chướng, Xả niệm viên mãn thanh bạch gọi là Tịnh, Quán này quán chung các cảnh Tịnh và Bất tịnh. Hiển Dương luận ghi: “Tịnh, là ý giải tư duy thuần nhất”. Tịnh diệu sắc, là theo tùy chuyển Lý môn, hoặc y theo Quán kia tương đối tương nhập, sau đó thành Nhất vị tịnh sắc mà luận. Đối Pháp luận ghi: “Đối với Nội tịnh sắc và Nội bất tịnh sắc, mà triển chuyển chờ nhau”. Giải thoát, là có thể giải thoát Tịnh và Bất tịnh biến hóa sinh khởi Phiền não chướng, đây là công dụng Gia hạnh của Thời biến hoá, gọi là Phiền não chướng ngại tâm. Hai giải thoát trước là tùy theo Chướng của một Sự biến hoá, chỗ giải thoát này là chỗ có trong Tịnh và Bất tịnh, công dụng Gia hạnh của Biến hóa rất tự tại chướng ngại. Thân, là Ý thân. Tác chứng, là do Trí đoạn mà đắc Tác chứng. Các Căn đắc cảnh, chỉ có Thân căn là gần gũi nhất, cho nên hợp chung Thân cùng với Chứng mà đặt tên. Hai giải thoát trước, Ý hiểu tư duy cũng còn cách xa, cùng với Quán của nó đặt tên. Giải thoát thứ ba này trừ Chướng là tối thắng, gọi là Thân tác chứng, cho nên Đối Pháp ghi: “Tám thứ này gọi là Thánh trụ, vì là chỗ trụ của bậc Thánh, nhưng bậc Thánh phần nhiều là trụ thứ ba và thứ tám, vì hai giải thoát này là tối thắng. Trong hai cõi, mỗi mỗi cõi đều ở tại Biên tế, trong kinh Thế Tôn nói: “Thân tác chứng, đối với Sắc và Vô sắc chướng đoạn không sót, chứng đắc Chuyển y thì thù thắng hơn sáu giải thoát còn lại”. Cụ túc trụ, là Tĩnh lực thứ tư Căn bản viên mãn. Giải thoát thứ tám cũng vậy, là Hữu đẳng viên mãn. Các tên còn lại có thể hiểu.

2. Trong giải thích Tổng danh, chỉ giải thích các tên chung. Bảy giải thoát trước là đối với người đã giải thoát và sinh thù thắng. Bảy chỗ Quán pháp, là phải lia Phiền não chướng nhiệm của Địa kia mới có tu hành, gọi là đã giải thoát. Hiện tại Quán các Cảnh đó để trừ Định chướng, khởi công đức của thần thông mà sinh Thắng giải, cho nên gọi là giải thoát. Giải thoát thứ tám đã vứt bỏ Tưởng và Thọ, là Viễn vô gián đạo ở trước, tuy diệt Tưởng thọ chướng, mà bây giờ mới được gọi là giải thoát. Khi đang khởi giải thoát, thì chỉ tạm thời vứt bỏ Tưởng và Thọ mà đặt tên giải thoát, Phi thời mới giải thoát Định chướng, vì trước đã lia rồi.

3. Trong phần thứ ba biện về tướng, chỉ phân tích bảy giải thoát, đến Đẳng chí môn sau đó mới giải thích giải thoát thứ tám, là những người sinh cõi Dục. Giải thích nghĩa Hữu sắc, đây là nói người mới tu chưa lia Sắc nhiệm, nếu người đã lia thì Sắc tướng an lập hiện tiền, gọi là Hữu sắc. “Người đó trong chỗ giải thoát như vậy, mà sinh giải thoát”,

đây là giải thích nghĩa giải thoát, Sắc sở quán đó, trong chỗ giải thoát Dục của cõi Dục đã được giải thoát. “Ngay tại các Sắc của cõi Dục vì có Quang minh tướng tác ý tư duy...”, đây là thuyết minh nghĩa của Quán, không đồng với Tiểu thừa khởi quán Bất tịnh tướng.

Hiện tại luận này nói quán Quang minh tướng có hai nhân duyên gọi là Hữu sắc: một là vì sinh cõi Dục đắc định cõi Sắc, hai là vì đối với Quang minh mà sinh khởi Thắng giải.

“Các Sắc của cõi Dục đối với chỗ có ít Sắc của các Thắng xứ...”, đây là đáp Sắc sở quán tức là Cảnh thắng xứ, vì bắt đầu Thắng giải tướng mà khởi quán. “Hoặc ưa hoặc chán...”, đây là đáp về Hành tướng, ba giải thoát ở trước dẫn phát thần thông của bậc Thánh trong các Thắng xứ và Biến xứ, bốn giải thoát sau tùy thích ứng mà có thể dẫn phát công đức vô tránh. Nói “Sinh cõi Dục đã lìa duyên của cõi Sắc”, đây là giải thích nghĩa Nội vô sắc tướng, trước y theo Không xứ định, đã lìa cõi Sắc nhiễm. Hiền Dượng luận ghi: “Nội Vô sắc tướng, là nương vào Vô sắc định, vì ý hiểu tư duy. “Định vô sắc giới không hiện tiền”, đây là giải thích nghĩa quán các Sắc bên ngoài, vì Vô sắc không thể quán Hữu sắc, nương vào Định cõi Sắc mà hiện quán các Sắc bên ngoài, cho nên Vô sắc định không hiện tiền. Trên đã nói người chưa đắc Định vô sắc giới, chưa lìa Dục của cõi Sắc; quán các Sắc bên ngoài, gọi là Sơ giải thoát, đã đắc Định vô sắc giới rồi, lìa Dục của cõi Sắc, quán các Sắc bên ngoài, gọi là giải thoát thứ hai, đây là nương vào nghiệp ban đầu mà nói. “Do Câu giải thoát”, là do Định đắc Sơ giải thoát. Nếu trước không nhập Định vô sắc giới, là chưa phục trừ Sắc tướng của người nhìn thấy, mà khởi Quang minh tướng để quán các Sắc, đó là Sơ giải thoát. Nếu trước nhập Vô sắc định, đã phục trừ Sắc tướng của người nhìn thấy, không tư duy Quang minh tướng, chỉ quán ưa chán... Sắc trong ngoài, đó là giải thoát thứ hai, cho nên trong đây nói cũng không tư duy Minh tướng của chỗ Tướng kia, vì Quán dần dần được thành. “Chỉ đối với Sắc không sinh Thắng giải, là do Câu giải thoát này”, vì cũng thành Sơ giải thoát, cho nên Đối Pháp luận giải thích Sơ giải thoát rằng: “Bên trong chưa phục trừ Sắc tướng của người nhìn thấy, tức là người mới Tập nghiệp, là chỗ khởi giải thoát của Câu giải thoát. Trong nội thân đó, tuy đã lìa Dục, an lập Sắc tướng mà hiện tiền quán đối với ngoại Sắc”. Luận đó giải thích giải thoát thứ hai rằng: “Là bên trong đã phục trừ Sắc tướng của người nhìn thấy, đó là Sơ nghiệp, hoặc hiện an lập không có Sắc tướng của người nhìn thấy, đó là Mãn nghiệp”. Câu giải thoát... là nghĩa của chỗ khởi giải thoát, căn cứ theo chỗ nói trên, cũng



không cần tư duy. “Minh tướng của Tướng kia chỉ đối với ngoại Sắc mà khởi Thắng giải”, đây là giải thích nghĩa của Quán. Nếu đối với Sắc đó đã được lìa Dục mà nói, thì Sắc đó làm Ngoại, tức là Quán này đã lìa nhiễm Sắc, vì ra khỏi Nhiễm thì gọi đó là Ngoại; quán tất cả các Sắc này làm Cảnh, gọi là Quán ngoại Sắc, không những quán ngoại Trần gọi là Quán ngoại Sắc. Nếu căn cứ theo Đối pháp thì Nội thân gọi là Nội, Ngoại trần gọi là Ngoại, quán Trần làm Cảnh gọi là Quán ngoại sắc. Luận đó nói trong ngoài chột đồng với Tông của Tiểu thừa, nương vào Định vô sắc giới, lìa nội Sắc nhiễm... thì cùng với luận của Tiểu thừa đó khác nhau. Hai giải thoát trên, y theo Câu-xá ghi: “Hai Tĩnh lự đầu có thể phục trừ cõi Dục, vì trong Sơ tĩnh lự là hiển Sắc tham”, Quán bất tịnh kia có thể nói như vậy. Để khiến cho đầu tiên khởi Minh tướng, Hiền Dương luận quyển 20 ghi: “Hai Tĩnh lự này trừ Biến hóa chương, để đối với Biến hóa mà chứng đắc tự tại, tu hai giải thoát, vì Biến hóa đã thông với bốn Tĩnh lự mà có”. Hai giải thoát đầu thông với bốn Tĩnh lự, đồng như Thành Thật luận, nhưng vẫn ở tại Căn bản, không phải các Cận phần Địa, kia là hôn hử tiến tu, đều không có quả chung, đây là do dự tu có chung quả. “Trong Tịnh giải thoát đã đắc Xả niệm viên mãn thanh bạch”, đây là giải thích nghĩa của Tịnh. Trong một sát-na lìa qua gọi là Tịnh, tương tục lìa thì gọi là Bạch, lấy đây làm chỗ y để tu tập Thánh hạnh viên mãn, gọi là bậc Tịnh giải thoát.

Sau đây lấy ba nghĩa giải thích tên Tịnh này:

1. Tịnh giải thoát này chỉ có Định thứ tư, vì trong đây nói đắc Xả niệm tịnh, lại cũng vượt qua các Khổ lạc, loạn động, tĩnh, khéo mài giữa trong sáng, các Địa khác thì không phải như vậy, cho nên chỉ có Căn bản thứ tư, không phải là Cận phần, đây cũng là nội Vô sắc mà quán ngoại Sắc, vì trước đã nói cho nên ở đây lược bỏ.

2. Bốn Vô sắc giải thoát kể đó, đều đã lìa Dục của tự Địa, nương vào Căn bản địa mà trừ quán tự Cảnh, tư duy Thắng giải khiến cho các Chương càng xa, dẫn sinh Thắng đức, lập tên là giải thoát.

3. Nhưng văn của luận này, nói hai thứ Không giải thoát và Thức giải thoát lìa Dục của Tự địa, hai giải thoát sau thì không nói lìa Dục của Tự địa, trong Vô học Thân thì có nói sơ lược. Căn cứ theo trước thì đáng lẽ nói lìa Tự dục, nếu y theo Hữu học... thì không cần lìa Nhiễm, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, Không xứ và Thức xứ, nói Tự địa của Tư duy, là vì hai Xứ đó xứng với tên Tự địa. Vô sở hữu xứ, vì Thức không có, lấy làm tên của Tự địa, cho nên đối với Thức xứ, Tư duy là Thắng giải. Hữu đẳng giải thoát cũng vậy, dưới đó ba Địa, gọi là Tướng sinh

xứ, khắp trong Xứ này, Tư duy là Thắng giải, chỉ tại Căn bản, không phải Cận phần địa. Trên đây y theo ba môn Phân biệt của luận này.

***Nêu Thể tánh:***

Quyển 73 ghi: “Trong năm pháp, Chánh trí của thế gian và xuất thế gian làm Tự tánh. Hữu lậu, là Chánh trí của thế gian trong Phân biệt nhiếp. Vô lậu, tức là Vô Phân biệt Trí và Hậu đắc trí nhiếp, chỉ có Tuệ làm Tánh, duyên Sắc Phi sắc và Chân như cảnh, lia các Định chướng, dẫn sinh Thắng đức”. Không phải ngoài Vô lậu này thì có pháp nào khác có thể được, nếu tương ứng với Thể, bảy giải thoát đầu là bốn Uẩn tánh, quyển thuộc là năm Uẩn tánh. Giải thoát thứ tám, hai mươi hai pháp, Diệt tận định, lấy Chứng tử của Tâm chán làm Tự thể.

***Cảnh sở duyên :***

Hai giải thoát đầu nói lấy chỗ tướng Hiển sắc và tướng Chân như làm Cảnh sở duyên. Giải thoát thứ ba thì lấy tướng Nhiếp thọ và tướng Chân như làm Cảnh sở duyên. Tướng nhiếp thọ là đối với Nội tịnh sắc và Nội bất tịnh sắc triển chuyển tương đãi, triển chuyển tương nhập, triển chuyển Nhất vị, như Đối pháp nói. Bốn giải thoát kế đó, mỗi mỗi lấy Tự tướng và Chân như làm Cảnh, ba giải thoát đầu lấy Sắc và Vô sắc làm Cảnh, bốn giải thoát kế đó chỉ có Vô sắc làm Cảnh, để đoạn hai chướng này cho nên khởi quán hạnh, giải thoát thứ tám không có Sở duyên.

***Nghĩa Phàm thánh đắc Phân biệt:***

Có nghĩa là bảy giải thoát đầu thông với Phàm đắc và Thánh đắc; giải thoát thứ tám thì chỉ có Thánh đắc, vì Vô lậu. Quyển 73 ghi: “Bậc Thánh dị sinh thì đồng đắc ba giải thoát đầu, nhưng có sai biệt, nội đạo và ngoại đạo đều đắc chung thông suốt, vì trừ Biến hóa chướng thì đắc Tự tại”. Nhưng Du-già quyển 15 ghi: “Ba giải thoát đầu, đối với tất cả Sắc mà đắc Tự tại, liền có thể dẫn phát thần thông của bậc Thánh, không cùng với tất cả Dị sinh có chung”, luận đó tự nói Sở tác của Bất hoàn A-la-hán, không nói Dị sinh không khởi ba giải thoát đầu. Kế đó bốn giải thoát, Đối pháp luận ghi: “Chỗ đắc của đệ tử bậc Thánh có thể thuận với Vô lậu, là Thanh tịnh tánh, mới gọi là giải thoát, vì giải thoát Ái vị”. Ngoại đạo dựa vào Vô sắc, phần nhiều sinh Ái vị, chấp làm Niết-bàn, cho nên do biến hiển này mà không lựa riêng với ba giải thoát trước, chỉ có Thánh đệ tử mới chứng đắc, cho nên thông với ngoại đạo. Có nghĩa là chỉ có ba giải thoát trước thông với nội đạo và ngoại đạo, phàm Thánh đều chứng đắc, nhưng luận chỉ nói Dị sinh đắc, năm giải thoát sau chỉ có Thánh đắc, luận nói chỉ có đệ tử của Thánh, không

nói Di sinh.

**Lìa chướng sai biệt:**

Hiển Dương quyển 20 ghi: “Đối trừ sáu Chướng”:

1. Biến hóa Chướng, chỗ trừ của hai giải thoát đầu là Năng biến và Năng hoá, do quán Quang minh thù diệu vô ngại và ít nhiều gì cũng có đắc Tự tại.

2. Tối cực hiện pháp lạc trụ Chướng, là chỗ trừ giải thoát thứ ba, Đối Pháp luận ghi: “Có thể đoạn Tịnh sắc và Bất tịnh sắc Biến hóa chướng”, trong đây Phiền não sinh khởi chướng, chướng này tức là đối với công dụng Gia hạnh của Tịnh sắc biến hoá, cùng với Bất tịnh sắc biến hoá trái nhau, Thể là Tánh của Vô ký thô nhám, gọi là Phiền não.

3. Vãng hoàn Chướng, là chỗ trừ của giải thoát thứ tư, do các Sắc trống rỗng, vì không có chướng ngại, làm phương tiện đã nhập Địa của bốn Định Căn bản cõi Sắc, qua lại tự tại.

4. Dẫn Vô tránh đẳng thắng công đức chướng, do chỗ trừ của Thức mà Thể của các công đức kia tức là Thức, đây là phương tiện đã khởi Tĩnh lự thứ tư, phát các công đức.

5. Các lậu và Hữu chướng. Lậu là Phiền não. Hữu là Hữu đẳng. Đây tức là hai pháp Hoặc và Khổ của cõi Vô sắc, do chỗ trừ của giải thoát thứ sáu và thứ bảy, giải thoát thứ sáu chính là Năng trừ, giải thoát thứ bảy là khi trừ xong rồi khiến cho xa.

6. Tịch tĩnh tối cực trụ chướng, là chỗ trừ của giải thoát thứ tám, vì trụ Diệt định Tịch tĩnh cực thù thắng. Quyển 15 ghi: “Năm giải thoát sau chỉ nói có thể dẫn Tưởng thọ diệt đẳng chí”, là y theo Thành mãn vị cũng không trái nhau.

Y thân khởi:

Năm giải thoát sau, là Thân khởi của ba cõi, vì thừa nhận cõi Vô sắc khởi Diệt định, ba giải thoát đầu, có nghĩa chỉ có Dục khởi, do Giáo và Lực. Du-già quyển 12 ghi: “Do hai nhân duyên gọi là Hữu sắc, là sinh cõi Dục, có nghĩa không đúng, vì thông với hai cõi mà khởi, mới tu giải thoát là Biến xứ làm quả, thì phải ở tại cõi Dục, như đạo lý trước, sau khi thành mãn thì Biến xứ làm nhân, đâu có hại gì cõi Sắc mà cũng được khởi sau đó, lẽ nào sinh Sắc quả không được gọi là Hữu sắc, mà không tu thông hay sao”!

**Nhi đắc:**

Trong thân của Phật và thân Lân giác, vì cả tám giải thoát đều là Dục đắc. Trong các thân khác thì đều là Gia hạnh đắc, phải lìa các Địa

nhiệm kia, sau đó mới Tu đắc.

### **Hữu, Vô lậu:**

Tại thân Phật thì đều là Vô lậu, trong các thân khác thì giải thoát thứ tám chỉ có Vô lậu, còn lại bảy giải thoát thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Thông là hai trí của thế gian và xuất thế gian làm Thế, sau đây quyển 15 sẽ phân tích rộng thêm.

- Tám Thắng xứ, lược lấy năm môn Phân biệt:

#### **1. Nêu tên:**

a. Sắc tướng bên trong quán ngoại sắc ít, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc kém, hoặc hơn, đối với các Sắc kia có Thắng tri và Thắng kiến, đặc Như thật tướng.

b. Hữu sắc tướng bên trong quán ngoại Sắc nhiều.

c. Vô sắc tướng bên trong quán ngoại Sắc ít.

d. Vô sắc tướng bên trong quán ngoại Sắc nhiều.

Ba loại sau hoặc tốt xấu... mà nói, đều như chỗ nói ban đầu. Bốn Thắng xứ sau đều là Vô sắc tướng bên trong, nhưng quán các Sắc xanh vàng đỏ trắng bên ngoài, bốn loại khác nhau.

#### **2. Nêu thể:**

Đối Pháp luận, Hiền Dương đều nói như vậy: Hai Thắng xứ đầu:

1. Chỗ xuất của giải thoát. 2. Hai Thắng xứ, là chỗ xuất của giải thoát thứ hai. Bốn Thắng xứ sau là chỗ xuất giải thoát thứ ba. Trong Tịnh giải thoát, hai tướng đầu tiên là Tịnh và Bất tịnh, triển chuyển tương đãi, triển chuyển tương nhập, triển chuyển như vậy, tổng tất cả Sắc hợp chung làm một vị Thanh tịnh tướng giải gọi là triển chuyển Nhất vị, cho nên bốn Thắng xứ sau là chỗ xuất của giải thoát thứ ba, do đó tám Thế này tức là ba giải thoát trước.

#### **3. Giải thích tên riêng:**

Hữu sắc tướng bên trong, Vô sắc tướng bên trong... như trong Giải thoát nói. Trong giải thoát trước, Hữu sắc không nói Sắc bên trong, bây giờ thì nói bên trong là trước đã thiết lập, tuy đối với trong thân của người thấy Sắc tướng an lập hiện tiền, người chưa lìa Sắc nhiễm, vì tất cả Sắc nhiễm đều chưa đoạn, cho nên chỉ nói Hữu sắc mà không nói bên trong, tức là lấy tất cả Sắc này mà làm cảnh giới, khởi Quang minh tướng, vì chưa ra khỏi Sắc nhiễm. Gọi là quán các Sắc, hoặc thông quán Sắc bên trong bên ngoài thì không thể gọi là quán Nội ngoại sắc. Hiện tại Thắng xứ này chỉ quán Phi căn sắc, không quán căn Sắc, vì Hữu căn sắc bên trong gọi là nội Hữu sắc, cùng với trước khác nhau. Còn lại ít và nhiều... như văn giải thích.

#### 4. Y cảnh Phân biệt:

Hai giải thoát sau chỉ duyên Hiển sắc của Sắc xứ, hình sắc của nó thì không có Thể, vì Hiển sắc nhiếp. Giả hiển thì không có Thể, vì chỉ có bốn Thật, cho nên quán chỉ có bốn loại, bốn Sở duyên trước là Sở y Tự sắc của Thanh hương vị xúc, vì hai giải thoát đầu duyên tướng Quang minh và tướng hơn kém, tức là bốn Thắng xứ đầu quán Hiển giả sắc, thì Quang minh mới là Giả hiển sắc, do Thể trong sáng thuận với Biến hóa cho nên quán thiên về nó. Giải thoát thứ hai, vì duyên tất cả Sắc xứ. Thắng xứ thứ ba và thứ tư cũng quán đối với tất cả cả Sắc xứ kia. Hoặc ít nhiều v.v... nhưng lấy hình lượng lớn nhỏ trong ngoài riêng biệt của hữu tình và Phi tình, phân thành ít nhiều, cho nên y theo Hữu sắc và Vô sắc, mỗi mỗi đều duyên hai Cảnh, phân thành bốn loại, cho nên các Thắng xứ không giảm không tăng. Đối Pháp luận ghi: “Sắc ít là Sắc của các hữu tình, vì lượng của nó nhỏ. Sắc nhiều là Sắc của Phi tình, vì lượng của nó to”. Hiển Dương luận chỉ y theo Tư cụ và Phi tư cụ (vật dụng nuôi sống) mà phân thành ít nhiều. Hiện tại trong luận này thì lấy hữu tình và Tư cụ nó hợp chung gọi là ít, cung điện... gọi là nhiều vì hình lượng riêng khác, mỗi mỗi căn cứ theo một nghĩa cũng không trái nhau. Tốt, xấu, hơn, kém... thì y theo sai biệt của Sắc ít nhiều, cho nên không lập riêng. Nhưng trong cõi Dục, bốn Thắng xứ đầu, quán đủ bốn Trần đồng tụ Sắc xứ; trong cõi Sắc, chỉ quán Thanh và Xúc đồng tụ Sắc xứ. Căn cứ theo hai giải thoát đầu, chỉ quán Sắc trần, cho nên trong bốn Thắng xứ đầu chỉ quán Sắc cảnh. Luận nói Sắc kém, là Thanh hương vị xúc. Bất khả ý sắc, đây là nói cõi Dục có Sở y của Thanh hương... đồng tụ Sắc xứ, gọi là Sắc kém... bốn chỗ quán đầu không phải bốn thứ Thanh hương vị xúc, vì là Cảnh của Thắng xứ. Luận này ghi: “Bốn Hiển sắc này là Tư cụ, cung điện... của hữu tình nhiếp”, là bốn thứ tốt, xấu, kém, hơn gọi là Hiển sắc, tức là ít nhiều trước. Là Sắc của hữu tình cho nên không phải Thanh hương... vì đối với Sắc xứ chiết phục tự tại, đối với bốn Trần khác cũng có thể biến hoá, hoặc trong hai giải thoát đầu, giải thoát thứ nhất tuy chỉ có quán Sắc dẫn sinh bốn Thắng xứ đầu, Thắng xứ đã khởi rồi, lại quán bốn Trần, chiết phục Tự tại, dẫn sinh Giải thoát, sau đó đến thành Mãn vị, lại chỉ có quán các Cảnh của Sắc quang minh... có thể làm biến hoá, cho nên Hiển Dương ghi: “Do ba giải thoát cho nên đắc Thắng định tự tại, do đắc Định kia rồi mới nói Thắng sắc tự tại thành tự”. Đây là lấy giải thoát làm nhân, Thắng xứ làm quả. Hiển Dương lại ghi: “Tám Thắng xứ này cùng với tu ba loại Duyên sắc giải thoát làm chỗ y chỉ”. Đây là lấy Thắng xứ làm nhân,

giải thoát làm quả, ban đầu là tu, sau đó là thành mãn, vì có sai biệt. Luận tuy nói rằng bốn Hiển sắc này không phải Sắc xứ, vì Hiển sắc là các Sắc hơn kém của Thanh hương vị xúc, chỗ quán minh hiển gọi là Hiển sắc, không chỉ lấy Sắc mà cũng lấy Chân như làm Sở duyên. Quyển 72 ghi: “Tư duy Sắc Chân như tướng, đắc Thắng tri kiến, Dị sinh thì không phải như vậy”.

### 5. Hỏi đáp Phân biệt:

Đây là hỏi ba giải thoát trước, cùng với tám Thắng xứ có gì sai biệt, Câu-xá ghi: “Tu giải thoát trước chỉ có thể vượt bỏ, tu Thắng xứ sau thì có thể không bận bịu Sở duyên, tùy theo Sở lạc mà quán, hoặc cuối cùng không khởi”. Đây là giải thích mới tu ba Giải thoát trước, trừ hai loại Chương, do đây có thể sinh Thắng trí và Thắng kiến, cho nên gọi là Thắng xứ. Tu thành mãn, là do tám Thắng xứ, Thắng phục Sở duyên, có thể khiến cho ba giải thoát đều được Thanh tịnh, đó là Giải thoát và Thắng xứ sai biệt.

Hỏi: Tại sao giải thoát Biến xứ quán chung với Sắc và Phi sắc, mà trong tám Thắng xứ chỉ có quán các Sắc?

Đáp: Là chương mà quán khắp Sắc và Phi sắc... khi thắng chiết phục Cảnh thì Sắc tướng khó thắng chiết phục, tốt xấu khó thắng phục, cho nên Sắc thắng phục đã ở trong cõi Vô sắc cũng được tự tại, cho nên lấy Nan thắng chỉ lập Sắc thắng xứ, các môn khác cũng như trước. Trong ba môn giải thoát đều, luận này có hai môn:

a. Giải thích tên chung.

b. Giải thích tướng riêng.

Còn lại Thắng kiến... các nghĩa sai biệt đều rộng như Đối Pháp luận quyển 13 và Hiển Dương quyển 4 nói, văn phân hai đoạn:

a. Giải thích tên của Thắng xứ.

b. Giải thích riêng nghĩa của ít nhiều... Xứ là Sở duyên, Thắng là Năng duyên. Đoạn văn thứ nhất có ba phần: một là nêu; hai là trình bày; ba là nêu sai biệt.

- Biến xứ thứ ba lấy sáu môn phân riêng:

a) Giải thích tên chung: Đối với Thắng giải sự, là giải thích nghĩa của Xứ, tùy chỗ thích ngay các Cảnh của các giải thoát trước. Sinh biến thắng giải, là giải thích nghĩa của biến khắp, đây là mượn Thắng giải làm Biến tướng.

b) Trình bày: Danh là địa, thủy, hoả, phong, thanh, hoàng, xích, bạch, Không xứ, Thức xứ, như trong kinh nói là Địa biến xứ, một có thể giải thích rõ trên, dưới, bên cạnh, Vô nhị và Vô lượng, như vậy cho đến

Thức khắp trên, dưới, bên cạnh, Vô nhị và Vô lượng. Trong đây chỉ giải thích Vô nhị và Vô lượng, ngoài ra như Hiển Dương quyển 4 nói.

c) Phế và Lập: Luận tự nói, Du-già cũng nói, nhưng do Sở y Chân như biến mãn, thì Năng y Sắc phi sắc cũng lại biến mãn, Sở y tạo sắc trong Năng y Sắc biến mãn, thì Năng y tạo sắc cũng biến mãn, chỉ nói Thật hiển Sắc biến mãn trong Năng y, không nói Giả hiển hình cũng biến mãn, chỉ nói Sở y Thật xúc biến mãn, không nói Năng y Giả xúc cũng biến mãn, đã nói Sắc cảnh sở quán không biến mãn, cũng nói Thức cảnh năng quán biến mãn, còn lại là không biến mãn cho nên không phải Biến xứ. Nhưng trong kinh Niết-bàn, quyển 31 ghi: “Trừ Hỏa lấy Vô sở hữu xứ sở” là ngoại đạo thờ Hỏa lấy Hỏa làm Thiên, nói Thể của Hỏa đầy khắp khiến cho tăng thêm chỗ chấp đó, cho nên đối với căn cơ đó, trừ Hỏa biến xứ, Vô sở hữu xứ, khi có quán sát, thì quán sát biến khắp, không có một chút cảnh nào là Sở hữu sở vô biến khắp, cũng gọi là Biến xứ. Trong các luận này, nương vào Cực tự tại, đã mới tu Biến xứ quán, không có chút ít Cảnh sở hữu nào thì không cần quán Thức sở vô khắp tất cả, không lập Biến xứ, Phật đối với Giả danh kia, đối với Thật danh này mà nói.

d) Cảnh sở duyên: quyển 72 ghi: “Lại nữa, mười Biến xứ do Lực sở duyên của Thắng xứ, mà tướng của nó sai biệt phải biết”. Đây là dùng đại chủng và tướng Chân như làm Sở duyên. Nếu không như thế thì Sở y không khắp, Năng y cũng đáng lẽ không thành biến mãn. Do cảnh Chân như cực biến mãn cho nên Năng y cũng được thành tên Biến mãn. Lại nữa, tướng của Không xứ, Thức xứ và Chân như làm Sở duyên, không những chỉ Hữu vi làm Cảnh mà hiện tại lấy Sắc xứ, Xúc xứ... bốn Uẩn và Chân như làm Sở duyên.

e) Xuất Thế tánh: Câu-xá luận ghi: “Tám Biến xứ đầu chỉ từ chỗ xuất của giải thoát thứ ba, hai Biến xứ sau tức là hai giải thoát kia”. Luận này tám Biến xứ đầu thì lấy Tuệ, hai Biến xứ sau thì lấy bốn Uẩn làm Tự tánh, tám Biến xứ đầu vì khéo Thanh tịnh, có thể dẫn Giải thoát thần thông và Chuyển biến thần thông của bậc Thánh, tuy nương vào bốn Địa mà có, nhưng không thể tùy ứng từ ba giải thoát đầu, Thắng xứ và Biến mãn chỉ có giải thoát thứ ba, cho nên luận này nói: “Hữu sắc như vậy, các Biến xứ định, Hậu biên của cõi Sắc đều từ chỗ xuất của giải thoát thứ ba”, lý đồng với Câu-xá, là trước chung đường.

f) Hỏi đáp Phân biệt. Hỏi: Thắng xứ dẫn sinh thì Biến xứ mới khởi, tại sao Thắng xứ không có hai Giải thoát sau và bốn Giải thoát đầu? Đáp: Thù thắng chế phục Sở duyên mới sinh Biến quả, vì quả

pháp thù thắng, lại thêm sáu thứ nhân, Thắng xứ chỉ chế phục Cảnh thù thắng, không nói các chỗ khác. Dụng của Biến xứ dụng thù thắng, đây là đoạn văn dưới nói dẫn sinh thần thông. Thắng xứ kém là chỉ có Thắng phục Sở duyên không thể dẫn sinh công đức rộng, các nghĩa của môn khác, phải biết là như Giải thoát. Quyển 62 ghi: “Tu mười Biến xứ có thể làm năm Sự”, như luận đó rộng nói.

Trong Tổng liệu giản thứ tư có ba đoạn:

1. Giải thích thứ lớp của giải thoát, Thắng xứ và Biến xứ.
2. Giải thích tác dụng của Biến xứ, lấy thí dụ để hiển thứ lớp của ba pháp.

Các thứ lớp này lược có ba nghĩa:

Nghĩa thứ nhất có hai môn là: 1. Tùy Chuyển lý môn, chính là môn này. 2. Y Chân thật lý môn, quyển 63 ghi: “Thắng xứ và Biến xứ là Năng thanh tịnh đạo của chư giải thoát”. Hiển Dương quyển 4 ghi: “Do các Thắng xứ mà Sở duyên thù thắng, do các Biến xứ mà Sở duyên biến mãn, phải biết có thể khiến cho giải thoát và thanh tịnh.

Nghĩa thứ hai là trong Chân thật lý môn: 1. Nhất thiết tu hành môn, chính là văn của luận này. 2. Thành mãn môn sau, chính là văn của các luận kia.

Nghĩa thứ ba là: 1. Y như Lượng trí tu môn, tức là văn của luận này. 2. Y như Lý trí tu môn, tức là văn của các luận khác. Trước hết y theo thế tục trí mà khởi Thắng trí kiến, rồi kế đó y theo Như lý trí, là nhập Biến xứ giải thoát.

Thắng xứ thần thông, là tùy chỗ ý giải đều có thể toại ý, Viễn giải là Cận, khoảng co duỗi cánh tay đến Sắc cứu cánh. Chuyển biến thần thông, là chuyển đổi hình cũ, mà làm hình tướng khác. Lại nữa, Thắng giải thông với Ý giải tư duy chuyển biến thần thông có thể thành sự thật.

Trong giải thích Tông yếu của kinh trước có ba đoạn, đến đoạn thứ hai sau giải thích Đăng trì sẽ trình bày riêng, có mười một môn. Dưới đây giải thích mười môn, thiếu môn thứ 11, như trước đã giải thích.

Trong “ba loại Tam-ma-địa”, văn phân ba đoạn:

1. Thuyết minh biệt tướng Hành cảnh của Tam-ma-địa.
2. Thuyết minh đồng tướng Biệt cảnh của Tam-ma-địa.
3. Giải thích thứ lớp vấn nạn trước sau.

Một môn thứ nhất là An lập Đế hạnh, môn thứ hai của nó là Phi an lập hạnh, là tướng hạnh riêng của môn thứ nhất, một môn kế đó thông với Tướng hạnh, đó là sai biệt.



Đoạn văn thứ nhất, từ câu “thứ nhất là nêu ra Hành tướng của không Tam-ma-địa, phải biết Không tánh lược có bốn loại” trở xuống, là tổng giải thích Không tánh sai biệt, Hiền Dượng luận quyển 2 ghi: “Không, có hai giải thích là Sở tri và Trí sở tri”, là chúng sinh và pháp, trong tánh Biến kế sở chấp thì đây là Nhị vô tánh, và Vô ngã hữu tánh khác. Trong các pháp, chỗ chấp tánh vô, tức là Vô ngã hữu tánh; Vô ngã hữu tánh tức là chỗ chấp tánh vô, tức là lấy tánh vô nhị của Hữu và Phi hữu trong đây gọi là Sở tri không. Không trí, là duyên cảnh kia biết rõ như thật, luận đó có ý nói, chỗ Chấp pháp, Không tánh hữu tình và Không tánh Chân như đều gọi là Sở tri không. Khi quán các pháp kia không có, thì thấy các pháp này có, khi chứng các pháp này có, thì thấy các pháp kia Không, Hữu và Không không hai, đều gọi là Cảnh không, đây là nói Sở chứng sở không của Không hạnh, nếu người nào có thể quán tâm đó thì liền gọi là Không trí. Chỗ nói trong đây là đối với Viễn ly hữu tình mạng... tức là Không cảnh của Sở không trong Sở quán. Tâm trụ một duyên, tức là Không trí kia. Đây là y theo Tam thừa thông với Sở quán không, chỉ nói xa lìa hữu tình mạng... chỉ nói nhân Không mà không nói pháp, chỉ nói Sở không mà không nói Sở chứng không. Luận kia nói Vô nhị, là song song hiển rõ Hữu và Vô, đây là nói Sở vô, không phân tích Chân hữu, cho nên không trái nhau.

- Trong tổng giải thích Không sai biệt, có hai loại giải thích:

- a. Y theo bốn thứ Không tánh của Vô học.
- b. Trình bày bốn thứ Không sai biệt của Hữu học.

Nhưng trong bốn Không, một Không đầu là Sở quán sát không, chính là quán Cảnh, ba Không sau là Thành mãn vị, chỗ trừ của Nhân không giả gọi là Không, do quán sát Không, cho nên “Không” không có chỗ chấp, ba loại Không sau cũng vậy, cho nên giả gọi là Không. Quả kia Không, là Không mãn vị, vì do quán Không cho nên phiền não đều diệt. Nội không, là do quán Không cho nên Nội kế chấp diệt. Ngoại không, là do quán Không cho nên Không, không có Dục và Ái.

Trong Hữu học là bốn Không sai biệt, “lại nữa, người tu hành”, là chư Phạm thánh hữu học. “Do quả kia Không, hoặc có khi tác ý tư duy ngoại Không...”, đây là do mong quả kia không, cho nên tư duy hai cảnh trong ngoài làm Không. “Do lực mà tâm đều chứng hiểu”, là do lực mong cầu quả kia Không và do lực quán sát Không mà đối với trong ngoài Không đều có thể chứng hiểu, có thể chứng hiểu rồi, thì quả kia Không và quán sát Không cả hai đều viên mãn. Hiện tại luận này thì hiển Không vô ngã hạnh gọi là Không hạnh, vì Không không có hữu

ình và pháp Ngã. Ngã tánh, Ngã dụng, Ngã thể, Ngã ái, cả hai đều Không, tùy chỗ thích ứng của nó gọi là Không vô ngã.

Trong Vô nguyện, “là đối với năm Thủ uẩn tư duy Vô thường, hoặc tư duy Khổ”, đây là nói năm Thủ uẩn pháp của ba cõi, gọi là Cảnh vô nguyện. Tâm trụ một duyên, gọi là Tam-ma-địa. Hiền Dương cũng ghi: “Vô nguyện có hai loại: một là Sở tri; hai là Trí”, chính là cùng với luận này đồng, tức là Vô thường và Khổ đều tập hợp tại bốn Hạnh, gọi là Vô nguyện hạnh. Đây là lấy Vô thường hạnh và Khổ quả hạnh nhiếp Nhân hạnh.

- Trong Vô tướng Tam-ma-địa:

1. Giải thích Hành tướng.

2. Giải thích kinh kia, tức là đối với các Thủ uẩn kia diệt, Tư duy tịch tĩnh, đó là Vô tướng cảnh.

Tâm trụ một duyên, đó là Vô tướng Tam-ma-địa. Hiền Dương luận ghi: “Vô tướng có hai loại là Sở tri và Trí”. Sở tri, tức là Sở tri Không cảnh, do cảnh tướng này mà tất cả các tướng không hiện hành. Trí thì nói như trước. Đây là nói trong Không cảnh ở trước, Không tướng của Chân như, các tướng không hiện hành gọi là Vô tướng cảnh, tức là các thủ Uẩn diệt trong luận này, không nói Sở chấp Không gọi là Vô tướng cảnh. Trước đã nói nhân theo chứng kia Không, mà Sở không và Sở chứng không cả hai đều gọi là Không. Luận này chỉ nói Sở chứng Không gọi là Vô tướng cảnh, cho nên cùng với ở trước khác nhau, tức là diệt bốn Hạnh gọi là Vô tướng hạnh.

Hỏi: Bốn Hạnh của Đạo đế không phải Tam đẳng trì, tại sao Vô nguyện Vô tướng nói là tâm Tam-ma-địa, còn Không thì không nói?

Đáp: Vì đây là quán Hữu, xứng làm tâm kia, vì tâm quán Không, tất cả đều khiến trừ, Không không nói là tâm, còn lại hai Hạnh thì nói là Hữu.

Trong “sau đây giải thích kinh kia”, văn phân ba đoạn:

1. Giải thích không thấp và không cao.

2. Giải thích Phương tiện và Phương tiện quả.

3. Giải thích hiểu rõ và Công đức hiểu rõ “Vì hai tướng nghịch thuận không tương ứng”, là duyên trái với cảnh thì tâm thấp, duyên thuận với cảnh thì tâm cao. Luận này không có hai tướng thì gọi là không thấp không cao.

Lại nữa, hoại Thế đế trái với Tục cảnh gọi là thấp, chấp tâm tồn tại mà lập thuận với Chân cảnh gọi là cao; Vô tướng hạnh lia cả hai thứ gọi là không cao thấp, đây là chẳng hoại Thế đế, tức là không tư duy

tướng Nhất thiết; không chán, không hoại... gọi là không thấp, đây là đối với Vô tướng giới, vì Chánh tư duy; không thuận với Kiên chấp gọi là không cao.

Trong Phương tiện và Phương tiện quả:

1. Giải thích Phương tiện.

2. Giải thích từ câu “họ lại niệm niệm tự sách tấn tự cố gắng” trở xuống, giải thích Phương tiện quả.

- Tướng là Cảnh tướng. Tướng này có hai loại:

1. Hữu lậu gọi là Tướng, Vô lậu gọi là Vô tướng.

2. Hữu vi gọi là Tướng, Vô vi gọi là Vô tướng.

Nếu y theo nghĩa thứ nhất thì các Hậu đắc trí lấy nghĩa sau hoặc nghĩa thứ nhất làm Bản chất. Hạnh gọi là Vô tướng, Hạnh tức là bốn Hạnh của Diệt, hoặc là bốn Hạnh của Đạo. Nếu y theo nghĩa thứ hai, thì Vô phân biệt gọi là Vô tướng hạnh, ngược lại hai hạnh này thì gọi là Hữu tướng hạnh. “Đây là trong Phương tiện, đối với các tướng kia chưa có thể giải thoát”, là tại Hữu lậu vị, chưa giải thoát Hữu lậu tướng, cho nên tùy Tướng thức trong tất cả thời nhiều động tâm đó, Tâm sở tư trạch này mới có thể nắm lấy được Vô phân biệt trí quả, giải thoát tất cả Tùy tướng của Hữu lậu, gọi là Phương tiện quả, đối với giải thoát này, cũng khéo giải thoát mặc tình mà trụ, gọi là Cực giải thoát, tức là thông với hai vị Hiểu liễu quả của Căn bản trí và Hậu đắc trí. Trong Công đức Hiểu liễu, Phiền não Đoạn và Diệt đế, gọi là Hiểu liễu quả. Hiện pháp lạc trụ và Đạo đế gọi là Hiểu liễu công đức, là Sở hiểu liễu của Vô tướng hạnh, tức là bốn Hạnh của Đạo đế cũng là Vô tướng hạnh. Văn trước sau rộng hẹp khác nhau.

Đoạn văn thứ hai, “nếu đối với xứ này không có vật kia...”, Tam-ma-địa hạnh, khác Cảnh nhưng đồng Tướng, vì y theo Nhất chân quán thì có đủ ba nghĩa. “Tại sao trong đây trước nói Không tánh...”, đây là đoạn thứ ba, giải thích ba chữ “thứ lớp”. Có ý muốn hỏi rằng: “Trong bốn Hạnh của Khổ, trước nói Vô thường và Khổ, sau nói Không và Vô ngã, hiện tại trong luận này, trước nói Không hạnh, sau nói Vô nguyện hạnh, lẽ nào không trái nhau”? Luận này có ý đáp rằng: “Trong mười sáu Hạnh, trước nói Vô thường, từ Kiến đạo về trước, trước hết quán Vô thường cho đến Vô ngã, nhập Chân kiến đạo, nương vào Tiền quán này, cho nên trước nói Vô thường sau nói Vô ngã. Sau khi nhập Kiến đạo, ban đầu chứng Vô ngã, sau đó đối với ba cõi mới không có nguyện cầu. Vô thường quán và Khổ quán mới được thanh tịnh”, cho nên Đăng trì này trước hết nói đối với Không, kế đó thuyết minh Vô nguyện, cho

nên hai nghĩa của thứ lớp này không đồng.

Lại hỏi: Tại sao trong luận này trước trình bày Vô nguyện, kế đó nói Vô tướng, như Hiển Dương luận quyển 2 ghi: “Tại sao trước nói Vô tướng, sau trình bày Vô nguyện?”

Đáp: Đây là nói chủ yếu đối với ba cõi, trước hết không có nguyện cầu mới đối với Vô tướng chứng thanh tịnh viên mãn, cho nên trước nói Vô nguyện, sau nói Vô tướng, ban đầu chứng Nhị không vô, tức là đạt Vô ngã hữu, ở sau Không tức là nói Vô tướng, mới khiến cho Vô nguyện viên chứng thanh tịnh. Đây là y theo sau khi Vô tướng viên mãn, sau đó y theo lúc đầu Vô nguyện viên mãn, cho nên không trái nhau. “Ba loại Tam-ma-địa này là các môn phân biệt”, là có tám môn phân biệt:

**1. Sai biệt:** Quyển 73 và Hiển Dương quyển 2 ghi: “Nếu không có sai biệt, tổng nói là Không, Vô nguyện, Vô tướng, thông với chỗ thành của Văn tứ tu làm tánh. Hữu lậu vô lậu hoặc Định hoặc Tán thì chỉ có Thiện không phải pháp khác, Gia hạnh không phải Sinh đắc, hoặc nói “Không, Vô tướng, Vô nguyện, Tam-ma-địa”, là nói chỉ có chỗ thành của Tu, vì Hữu lậu vô lậu chỉ có Định không phải Tán. Nếu nói “Không, giải thoát môn...”, chỉ là Vô lậu chỗ thành Tuệ của Tu, vì không phải Tán văn và Tư.

**2. Giải thích tên gọi:** Không, là sinh pháp Vô ngã tánh không phải Hữu. Vô nguyện, là không có nguyện cầu. Vô tướng, trong Phật Địa luận quyển 1 ghi: “Lìa mười tướng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Nam, Nữ, Sinh, Lão, Tử”. Kinh Niết-bàn quyển 13 nói có mười ba tướng, là đối với tướng trên thêm ba tướng nữa là Khổ, Lạc và Xả. Nghĩa của Tam-ma-địa thì nói như trước. Giải thoát, có nghĩa là lìa trói buộc, hoặc do duyên giải thoát này mà lìa các Đế phược, hoặc do khởi giải thoát này mà chứng Vô vi giải thoát. Y theo hai nghĩa này cho nên môn của giải thoát gọi là Giải thoát môn, hoặc Thể Vô lậu thì giải thoát tức là Môn.

**3. Xuất Thế tánh:** Là chỉ lấy Đăng trì làm Tánh. Tuy Văn tứ vị có Đăng trì kia đồng thời, vì Đăng trì thù thắng. Hoặc lấy Định Tuệ mà làm Tự tánh, vì trong giải thoát, Định và Tuệ thù thắng, tương ứng với bốn Uẩn, làm quyển thuộc với năm Uẩn.

**4. Ba Trí tương nhiếp:** Là đồng thời thông với ba Trí, vì thông với Thế trí và Xuất thế trí của Văn tứ tu, sau Gia hạnh thì đắc Lý thông của hai Trí. Trong đoạn văn kế trước nói Cảnh đồng mà Hạnh khác, cho nên Căn bản trí cũng có đủ ba hạnh, nghĩa nói riêng ba hạnh, không phải ba hạnh khác thời mà khởi.

**5. Mười sáu Hạnh tương nhiếp, lược có tám môn bất đồng:**

a) Y Tiểu thừa luận, là Không nhiếp hai hạnh, Vô nguyện nhiếp mười hạnh, Vô tướng nhiếp bốn hạnh. Đây là nói không đối với Hữu vi mà nguyện cầu.

b) Y theo Du-già, trong đoạn văn Hiểu liễu quả kế trước, Không cũng giống như Tiểu thừa trên, Vô nguyện nhiếp sáu, Vô tướng nhiếp tám. Lại nữa, quyển 74 trong giải thích ba tánh, do tánh Biến kế sở chấp mà lập Không giải thoát môn, do tánh Y tha khởi mà lập Vô nguyện giải thoát môn, do tánh Viên thành thật mà lập Vô tướng giải thoát môn. Duy Thức cũng nói, tùy theo tướng mà mỗi mỗi đều có một tướng, Không tướng và Vô nguyện tướng phải biết như kế đó. Lại cũng nói tâm Vô lậu... dung nhiếp hai tánh, vì nhiều duyên mà sinh; nhiếp thuộc Y tha, vì không có nguyện điên đảo, Viên thành thật nhiếp cho nên bốn Hạnh của Đạo cũng thông với Vô tướng.

c) Y theo đoạn văn đầu của luận này, bốn hạnh của Đạo không phải do ba môn nhiếp. Quyển 28 cũng ghi: “Sở tri có hai loại là Hữu và Phi hữu, y theo Phi hữu mà lập Không. Hữu có hai loại: một là Hữu vi; hai là Vô vi. Chỗ trói buộc của ba cõi gọi là Hữu vi, y theo đó lập Vô nguyện giải thoát môn, các Niết-bàn gọi là Vô vi, y theo đó mà lập Vô tướng giải thoát môn, cho nên biết bốn Hạnh của Đạo để không phải chỗ nhiếp của ba môn. Quyển 55 cũng ghi: “Không nhiếp hai hạnh, Vô nguyện nhiếp sáu hạnh, Vô tướng nhiếp bốn hạnh. Các hạnh của Đạo để là nhân thanh tịnh, không phải ba môn nhiếp, vì không phải Hữu lậu cho nên không phải Vô nguyện.

d) Y theo Hiển Dương quyển 4 nói, ba môn cũng như trước, quyển 55 nói. Nhưng bốn hạnh của Đạo thông với ba hạnh, luận kia nói, duyên Trí không đạo, làm Đạo như hạnh và Xuất hạnh, đây cũng là Không hạnh; duyên trí Vô tướng đạo, làm Đạo như hạnh và Xuất hạnh, đây cũng là Vô tướng hạnh; duyên trí Vô nguyện đạo, làm Đạo như hạnh và Xuất hạnh, đây cũng gọi là Vô nguyện hạnh. Điều này có ý nói, duyên Không đạo mà làm Không hạnh... tức là Không hạnh, Vô tướng hạnh và Vô nguyện hạnh, cho nên Lý bốn hạnh của Đạo thông với ba môn.

e) Y theo quyển 72, Không nhiếp mười sáu hạnh, là Khổ Tập Diệt Đạo, mỗi mỗi đều có bốn hạnh, đều là Vô ngã. Luận đó nói, tướng trong năm pháp thông với ba loại, vì Chân như chánh trí cũng là Không cảnh. Vô nguyện nhiếp tám hạnh, Khổ và Tập mỗi mỗi nhiếp bốn hạnh, tướng thì thông với ba loại, tất cả Hữu lậu đều không có nguyện. Tên gọi và Phân biệt là Không cảnh và Vô nguyện cảnh. Vô tướng nhiếp bốn hạnh, tuy đối với tướng... cũng có Vô tướng hạnh, nhưng chỉ có

quán Diệt đế, tức là quyển 69 nói, Không giải thoát môn nhiếp tám trí pháp loại, bốn Đế gồm hết Vô sinh, Vô nguyện nhiếp sáu trí pháp loại, Khổ và Tập bao gồm hết Vô sinh, Vô tướng nhiếp năm trí pháp loại, Diệt tận Vô sinh trí.

f) Y theo quyển 86 thì mười sáu hạnh đều là Không hạnh, hai hạnh của Khổ là Vô nguyện hạnh, là Vô thường và Khổ. Bốn hạnh của Diệt là Vô tướng hạnh, luận kia nói, do sức tăng thượng của ba giải thoát môn, kiến lập bốn loại pháp Ôn-đà-nam là y theo Vô nguyện; lập tất cả Hành vô thường, tất cả Hành khổ, là y theo Không; lập tất cả pháp Vô ngã, là y theo Vô tướng; lập Niết-bàn tịch tĩnh, là y theo Tứ lược tập, cho nên khởi nói như vậy, không trái với các môn khác.

g) Không, không phải mười sáu hạnh, vì duyên Nhị ngã vô, không phải duyên Đế. Vô nguyện nhiếp mười hai hạnh, Vô tướng nhiếp bốn hạnh, hoặc Vô nguyện nhiếp tám hạnh, Vô tướng cũng tám hạnh, vì Y tha và Viên thành là Thể của hai môn. Quyển 74 ghi: “Ba giải thoát môn, như kế đó quán Biến kế sở chấp...”.

h) Mười sáu hạnh đều thông với ba hạnh: Trong Vô phân biệt trí, nghĩa nói mười sáu hạnh, nghĩa nói ba giải thoát môn, đều nhiếp nhau, tức là các nghĩa này trước đã nói hạnh khác mà cảnh đồng. Duy Thức cũng nói, cảnh giới sở hành của ba giải thoát môn, cùng với ba tánh nhiếp nhau, đúng lý ra thì đều thông, lược nói như vậy, tám đoạn văn không đồng, chỗ mong thì riêng khác, lý không trái nhau, các bậc hữu trí càng xem kỹ các dị văn, phải tùy nghĩa mà giải thích, khởi nhọc chất vấn.

**6. Y theo Địa phân biệt:** Hữu lậu, thông với mười một Địa, là cõi Dục. Sơ cận phần và trung gian gồm tám Căn bản định cõi trên, bảy Cận phần thì không phải có quán này, vì hành giải hẹp. Vô lậu thông với mười Địa, trừ cõi Dục ra.

**7. Y theo Thân phân biệt.** Hữu lậu và Vô lậu có hai mươi sáu hạnh, thông với thân trong ba cõi, đều được khởi.

**8. Trùng tam Đẳng trì:** Tuy không có văn nói, lý cũng thông với Hữu, nhưng không phải chỉ có Vô học phi thời khởi giải thoát, vì Dị sinh hữu học cũng có thể khởi, không phải chỉ có Hữu lậu thông với Vô lậu, cho nên Hiền Dượng quyển 4 ghi: “Bốn hạnh của Đạo đế thông với giải thoát môn, tức là hạnh của Tam đẳng trì trùng duyên, vì là Vô lậu, như lý nên biết”. Hiện tại văn của luận này tự trình bày ba thứ Biệt tướng và giải thích nạn hại trước sau không đồng, gồm các môn trước hợp chung lấy mười môn phân riêng. Luận rằng, “chỉ trừ các Tam-ma-địa Vô lậu”,

đây là nói do chiêu cảm mà sinh, Tam-ma-địa của các Địa cõi trên, Vô lậu cũng sinh cho nên trừ nó.

Đoạn văn thứ ba, giải thích Tam-ma-địa của Đại thừa và Tiểu thừa. Văn có ba đoạn, trong đoạn thứ ba giải thích Vô lượng, văn có bốn đoạn:

1. Giải thích nghĩa của Vô lượng.
2. Giải thích kinh Tu Vô Lượng Phương Tiện.
3. Giải thích Hành tướng sai biệt của bốn Vô lượng.
4. Giải thích kinh Vô Lượng Sai Biệt.

Đại tâm Tam-ma-địa trong đây, tức là đoạn thứ hai, giải thích kinh Tu Vô Lượng Phương Tiện, trong đó có bốn đoạn:

1. Tổng trình bày kinh.
2. Giải thích nghĩa Vô lượng Tam-ma-địa...
3. Giải thích nghĩa Thắng liệt chỉ có hai...
4. Giải thích Quang minh sai biệt của hai Định đầu.

Vô Lượng, tức là Đại tâm, Tiền phương tiện gọi là Đại tâm, sau khi thành mãn thì gọi là Vô lượng. “Tướng quang minh của chư Thiên sinh thắng giải...”, đây là nói Bồ-tát v.v... trước đắc Sơ định, muốn khiến cho cực tịnh bốn Vô lượng Mãn mà càng tu nhân này. Từ câu “mới tu thì Quang minh sáng khắp được một tầng cây” trở xuống, gọi đó là Liệt, sau đó cho đến biên tế của Đại địa, Đại hải, thì gọi đó là Thắng.

Trong đoạn thứ ba giải thích nghĩa Thắng liệt chỉ có hai v.v... có bốn loại: Giải thích Tác ý được thành chỉ có hai, là tùy theo Thắng giải mà phân đồng thi thiết, thắng giải phân đồng như một tầng cây mà khởi ý thi thiết thì gọi là Liệt, cho đến biên tế của đại hải, khởi ý thi thiết thì gọi là Thắng, như vậy triển chuyển cho đến một châu thì gọi là Thắng, đều do Thắng giải thi thiết phân đồng hai phần, vì Tác ý (khởi ý) là hai phần cho nên Định thành chỉ có hai, vì Định thành chỉ có hai cho nên chỗ chiêu cảm quả pháp hạnh của đoạn thứ ba thành chỉ có hai, vì Hạnh thành chỉ có hai cho nên đoạn thứ tư đối với thi thiết hữu tình đang đắc quả, thắng liệt thành hai thứ.

Trong Vô lượng hành tướng sai biệt thứ ba, như trong kinh Bồ-tát Tạng quyển 7, kinh Niết-bàn quyển 15, kinh Thập Địa quyển 5, Du-già quyển 34, Hiển Dương quyển 4, Đối Pháp quyển 13, Phật Địa luận quyển 5 v.v... giải thích, đến Bồ-tát địa thì thuyết minh rộng nghĩa của Môn.

Trong ba loại hữu tình, Biệt khởi làm hai loại đầu, Tổng duyên làm một loại sau. Đối với không Khổ không lạc, thì ban cho Lạc tác ý,

là ba loại Từ bi và Hỷ, như thứ tự phối hợp. “Tổng đối với ba loại hữu tình này muốn ban cho Lạc để khởi Dục, khiến cho hữu tình kia không ưa thích tư duy ngưỡng mộ, không có Tác ý nhiễm ô ...”, đây là giải thích hành tướng của Xả, tức là lấy ba hữu tình trước làm cảnh.

Hữu tình không Khổ không Lạc, vì Si tăng thượng, phần nhiều ưa thích tư duy ngưỡng mộ Khổ tập của sinh tử, mê đối với cảnh giới, vì trước đã ban cho Lạc rồi, cho nên bây giờ muốn khiến cho hữu tình kia không nên ưa thích tư duy ngưỡng mộ, mê say Khổ tập của sinh tử, vì xả Si của hữu tình đó.

Hữu tình có Khổ, phần nhiều sinh Sân khuể, trước bạt trừ Khổ rồi, bây giờ muốn khiến cho hữu tình kia không sinh Sân khuể.

Hữu tình có Lạc, phần nhiều sinh Tham dục, trước kia không sinh tật đố, vui thích sự không lìa đó, vì muốn khiến cho kia không khởi Tham dục, đối với ba loại hữu tình, khuyên xả bỏ ba loại mà khởi Tác ý không nhiễm ô này, quyển 44 ghi: “Bồ-tát ngay tại ba loại hữu tình Vô khổ Vô lạc, Hữu khổ và Hữu lạc, tùy thứ tự của nó mà phát khởi xa lìa Hoặc tăng thượng Ý lạc của si sân tham, duyên rộng đến mười phương, gọi đó là Xả. Hiển Dương luận ghi: “Từ lấy Vô sân, Bi lấy Bất hại, Hỷ lấy Bất tật”. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Từ trừ Sân đoạt mạng, Bi trừ Sân đánh đập, Hỷ trừ Bất lạc”. Đại Trí Độ luận ghi: “Ba loại trước lấy Vô sân làm Thể”, cùng với luận này đồng, vì đều là Tánh vô sân. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Từ đoạn Tham dục; Xan, Lạc và không cho gọi là Tham dục, duyên với Lạc của tự mình mà sinh; đoạn mạng của chúng sinh gọi là Sân”. Luận này nói, không đoạn mạng gọi là Vô sân, Vô sân duyên với Lạc mà sinh, Vô sân duyên với hữu tình mà khởi, cho nên người tu Từ quyết định đoạn tham sân. Quyển 11 trước cùng với Hiển Dương luận và kinh Niết-bàn đều nói xả trừ Tham dục và Sân khuể, lấy Vô tham Vô sân làm tánh. Dưới đây quyển 14 nói xả trừ Tham dục, Đại Trí Độ luận nói tức là Vô tham, cho đến quyển 34 nói ba thiện căn làm tánh. Đại Trí Độ luận v.v... nói: “Y theo duyên xả Lạc của chính mình mà thí cho người khác, cho nên Thể là Vô tham”. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Tự xả Lạc của chính mình mà thí cho người khác, gọi đó là đại xả”. Hai pháp thuận nghịch sinh khởi, phần nhiều là khởi Tham và Khuể, cả hai bình đẳng khuyến trừ, tướng tăng trưởng thêm gọi là Xả. Kinh Niết-bàn v.v... ghi: “Hai pháp làm tánh, pháp giới hữu tình tổng làm ba tụ, bình đẳng hành Xả, cho nên lấy ba thiện mà làm tự tánh, mỗi mỗi kinh luận đều căn cứ theo một nghĩa, lý không trái nhau.

Đoạn văn thứ tư, “kinh nói lấy Từ đồng thời với hành tâm...”, đây



là giải thích sai biệt của bốn Vô lượng, văn kinh có ba đoạn:

1. Giải thích thông với các kinh.
2. Vấn đáp phân rõ, nhân đó riêng giải thích kinh.
3. Kết thành Thánh hạnh.

Đoạn văn thứ nhất có mười câu Lợi ích và An lạc. “Tất cả vô lượng chỗ hiển thị”, là trong bốn Vô lượng đều có hai câu, quyển 44 ghi: “Ba An lạc đầu và một Lợi ích sau”, là luận đó nói ba An lạc đầu và hiện tại lợi ích của thế gian đều gọi là An lạc, một câu Lợi ích sau cùng với lợi ích sau khi xuất thế đều gọi là Lợi ích, cho nên có hai sai biệt. Luận này thì y theo bốn loại đồng thời có thể bạt khổ ban cho Lạc, đều thông với có thể ban cho đại quả và tiểu quả của phước trí, đều gọi là lợi ích, không có kể oán đối địch và không có não hại, ý nghiệp, ngữ nghiệp và thân nghiệp, như thứ tự mà phối hợp. Trong vấn đáp nhân theo đó giải thích kinh, luận này nói bốn Vô lượng là ba Thừa và ngoại đạo tu chung, chỉ y theo bốn Tĩnh lực của cõi Sắc, vì hành tướng rộng hơn. Từ thì nhớ nghĩ Định thứ ba, Bi thì nhớ nghĩ Không xứ... mà tu tập, không phải nhập các Định của Không xứ... mà tu bốn Vô lượng. Hoặc các Bồ-tát và Thanh văn quảng tuệ, y theo chỗ thấy sắc và tâm mà hiểu rõ tất cả pháp, thì tu bốn Vô lượng lý tuy không ngăn che, nhưng chưa thấy thuyết đúng thật. “Tâm Vô lậu địa của Vô sở hữu xứ biên tế sau cùng”, đây là y theo minh lợi đoạn Hoặc vô lậu. “Không phải Du quán”, vì thông với Hữu đảnh. “Như vậy tất cả đều là Thánh hạnh...”, đây là y theo thù thắng hạnh, chỉ có Thánh mới có thể tu, nếu là người Vô lậu thì Giác phần đồng thời hiện hành, nếu là người Hữu lậu thì Nhị thừa đồng khởi. Giác phần trước và sau, có Dụng đồng thời hiện hành dẫn Giác phần và Giác phần dẫn, do đây cũng gọi là Thánh hạnh.

Trong Nhất phần tu và Cụ phần tu, văn có hai đoạn:

1. Giải thích riêng hai tu.
2. Giải thích Định và Nạn.

Nhất phần tu là tư duy tướng quang minh, như giải thoát thứ nhất tư duy sắc tướng, như giải thoát thứ hai thì tư duy đủ cả hai, như khi tịnh giải thoát chưa thành mãn. Văn giải thích Định và Nạn có hai đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích.

Văn giải thích có ba đoạn:

1. Vấn đáp Nạn.
2. Từ câu “trong đây tối sơ” trở xuống, giải thích mười một tướng

Nạn.

3. Từ câu “Như vậy các nạn” trở xuống, kết thành tướng Chương.

Nhân duyên, là nhân sở y của Định, duyên sở y của Định, tức là tu Định phương tiện...

Mười một Nạn:

1. Nghi sinh điên đảo nạn. Đối với tướng quang minh không khéo hiểu biết, chính là Giác thì liền có Nghi, vì mới thấy quang minh mà không khéo hiểu biết, đây là quang gì, sinh ra từ đâu, cho nên nghi ngờ điên đảo.

2. Từ câu “phương tiện chậm cho nên có bất tác ý” trở xuống, là Bất dục tác ý nạn, vì Bất dục tác ý quán quang minh tướng của Định cảnh trước, cũng gọi là Vô niệm định tướng nạn.

3. Từ câu “do không khéo gìn giữ căn môn...” trở xuống, là thô trọng Thuỳ miên nạn, cũng gọi là Tham v.v... phiền não nạn. Vì không gìn giữ căn môn cho nên dong ruổi tán loạn, thân khởi thô trọng, phần nhiều huân tập Thuỳ miên, hoặc do không gìn giữ căn môn, mà sinh các Hoặc của Tham...

4. Từ câu “mê hoặc nhiều giác ngộ thì liền tăng thêm Thuỳ miên...” trở xuống, là Đa sinh tư giác nạn, cũng gọi là Bất định nạn. Do nhiều tư duy giác ngộ mà tăng thêm hiện hành Hôn trầm Thuỳ miên, vì không thấy nhiều sắc quang minh của Định cảnh, niệm Thuỳ miên tăng trưởng, vì thấy nhiều sắc.

5. Từ câu “làm cực tác công dụng của hai sự này...” trở xuống, là tăng giảm Bất đẳng nạn, vì Lực tính tấn thái quá thì liền không thông đạt, Thoái chuyển sinh mệt nhọc, chỗ muốn không thành, cũng như người bắt chặt và buông lỏng chim anh vũ, như nắm bắt nước và loài chim bay, nếu bắt chặt thì chim ngạt thở, nếu buông lỏng thì chim bay đi, tánh bông bột trì trệ đó rất mệt nhọc, riêng lấy nó để làm thí dụ.

6. Từ câu “do tướng quang minh của Tư tâm...” trở xuống, là Thô sinh hỷ dục nạn, là quang minh của Tư tâm càng thấy sắc, quang minh và sắc đồng thời đều thấy, mong một mà được hai, cho nên sinh Thô hỷ.

7. Từ câu “các phương rực rỡ đều thấy...” trở xuống, là Biến sinh bố úy nạn, chợt thấy gió lốc quanh thân khắp sinh hoảng hốt, khắp thấy các tướng bất tướng mà sinh kinh sợ.

8. Từ câu “người kia khi tu hành hoặc khi trụ lại...” trở xuống, là Dị cảnh tướng sinh nạn.

9. Từ câu “hoặc lại nhân theo chỗ tu tập Định...” trở xuống, là

Hữu mạn tướng khởi nạn.

10. Từ câu “hoặc nhiều ngôn luận, hoặc Tâm Tư lâu” trở xuống, là Đa ngữ tầm tư nạn, vì lấy ngôn ngữ làm nhân, vì có nhiều Tâm Tư, cho nên thân mệt nhọc khởi, gọi là Đa ngôn nạn.

11. Từ câu “hoặc lấy Định mà sinh tướng của quang minh...” trở xuống, là Cánh tư dị cảnh nạn, cũng gọi là Bất thủ định tướng nạn.

Thành Thật luận quyển 22 trước, phẩm Định nạn cũng nói mười một nạn, danh tự, thứ tự, thể tánh và hành tướng cùng với luận này có chút ít khác nhau, phải biết nghĩa phối hợp.

Trong phần Kết, “tùy chỗ thích ứng của nó mà chướng và tướng Nhân duyên”, là chướng các cảnh của quang minh và sắc... gọi đó là chướng Sở duyên; chướng tu phương tiện, gọi đó là chướng nhân duyên, căn cứ theo Tư như trước.

Đoạn văn thứ năm, ba Thọ đồng thời với Định, tùy theo Địa kia tăng mà các Địa khác tự nó Phi hữu.

Đoạn văn thứ sáu, trong bốn tu Định, “ban đầu đắc Hiện pháp lạc trụ trong Phương tiện đạo”, bốn Căn bản tĩnh lực, gọi là Hiện pháp lạc trụ, vì đắc Trụ này cho nên tu Cận phần định. Lại nữa, Căn bản địa chưa viên mãn thanh bạch, cho nên tu các Căn bản định khiến cho được viên mãn, lấy chung thiện định của Hữu lậu và Vô lậu làm Thể.

“Vi hiển sự tu tập chưa từng đắc Định...”, đây là giải thích câu vấn nạn các bốn Cận phần định và Căn bản định đều là mới tu Định, tại sao trong kinh chỉ nói Tiền phương tiện đạo của Sơ tĩnh lực”. Hiện tại giải thích câu này, để hiển tu tập chưa nhập mà đã từng đắc Định, vì Hiện pháp lạc trụ ban đầu chưa từng đắc, hoặc tu ba Địa của cõi trên đã từng đắc chủng loại, cho nên lược bỏ không nói. Câu-xá quyển 20 ghi: “Nêu pháp trước để hiển pháp sau”, đúng lý ra là thông với các pháp khác. “Phải biết đây là tại chỗ có tu Định của Tiền phương tiện đạo có thể phát khởi Thiên nhãn”, đây là tu Định thứ hai, chỉ lấy bốn Căn bản địa tu Thiên nhãn thông, chỗ có tu Định của Gia hạnh đạo và Vô gián đạo trước, các Đạo này thông với Hữu lậu và Vô lậu phải biết. “Có thể danh tự của chư Thiên như vậy...”, y theo Thú thù thắng mà nói, thật ra là thấy chung các Thú, Hữu cho đến rộng nói. “Chỗ có tu Định trong Phương tiện đạo của Đế hiện quán Dự lưu quả hưởng”, Dự lưu quả hưởng là Chân kiến đạo và Tướng kiến đạo, mười lăm tâm trước đều gọi là Phân biệt tuệ, vì đắc Dự lưu quả hưởng này. Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp, chỗ có tu Định trong Gia hạnh đạo là tu thể của Dự lưu hưởng quả này, chỉ là Hữu lậu làm tánh. “Hoặc vì tu tập các Vô ngại

giải”, chính Vô ngại giải đó gọi là Phân biệt tuệ, y theo bốn Tịch lược... mà tu Phương tiện định này, là thể của tu Định này. “Thông với Hữu lậu và Vô lậu, là chỗ tu Định trong Phương tiện đạo của quả A-la-hán”, là quả A-la-hán, các Lậu đã tận, Kim cương dụ định và Gia hạnh đạo, làm thể của tu Định này. Trong đây tu Định thứ ba cùng với Tiểu thừa khác nhau, Tiểu thừa kia nói tu các Gia hạnh thiện của ba cõi, đặc Phân biệt tuệ, thể của Phân biệt tuệ thông với Văn tư và Tu cho nên thành sai biệt. Hiện pháp lạc trụ của quả Sơ tu định, trong tám Định rất thù thắng, cho nên riêng nói đặc Định này mà lập Sơ tu định. Năm thần thông ở trước, Phạm thánh đều đặc, Thắng tri và Thắng kiến chỉ thuộc Thiên nhân, vì dẫn sinh thù thắng, để đặc các pháp này mà riêng lập tu Định, mới nhập Thánh vị thì chỉ có Dự lưu hưởng, quả đó viên mãn thì chỉ có A-la-hán, để đặc thắng quả hai thời trước sau mà riêng lập Tu định thứ ba và thứ tư. Quả A-la-hán tức là Lậu tận thông, tuy là Hưởng của một quả Nhất lai và Bất hoàn, cũng có mới đặc gọi là Siêu quả, nhưng không phải quyết định, cho nên lược bỏ không nói.

Đoạn văn thứ bảy, trong Tam-ma-địa của năm Thánh trí có ba đoạn:

1. Nêu dẫn kinh.
2. Trình bày năm trí.
3. Riêng giải thích kinh.

Tự thể trí, là thuyết minh tự thể của Vô lậu trí. Bồ-đặc-già-la, là chỗ đặc của Thánh nhân, không phải chỗ thành của Phạm phu, trí này phỏng theo nhân loại, gọi là Bồ-đặc-già-la trí. Thanh tịnh trí, là vì trừ phiền não cho nên lậu không thể làm lậu. Quả trí, là Hiện pháp lạc lạc trụ, vì tương lai sẽ đặc Niết-bàn. Nhập xuất định tướng trí, là khéo nhập Định và xuất Định, vì không có quên mất.

Trong riêng giải thích kinh, có mười bốn câu, ba câu Thánh, Vô nhiễm, Vô chấp, là Tự thể trí, không phải chỗ tiếp cận của Phạm phu, là chỗ khen ngợi của bậc thông duệ. “Các bậc thông duệ đó đồng Phạm hạnh”, đây là ba câu Thường, không quở trách và hủy báng, là Bồ-đặc-già-la trí. Tịch tĩnh, Vi diệu, Đặc an ẩn đạo và chứng Nhất tâm thú, bốn câu là Thanh tịnh trí. Hiện tại an lạc và Hậu lạc dị thực hai câu là Quả trí. Chánh niệm mà nhập và Chánh niệm mà xuất hai câu, là tướng trí của nhập định và xuất định. “Chứng tâm Nhất thú, là vì đã đặc Vô tâm địa và Vô từ địa”, căn cứ theo đặc Mãn trí vị, thì đây là Hậu lạc của Vô lậu định. Nói Dị thực, là gần thì trợ giúp đặc quả Dị thực, xa thì đặc Niết-bàn, mượn tên Dị thực để gọi chung cho Dị thực trí, Thể là Nhất

hạnh tướng phần có năm thứ, trước nói năm hạnh tướng trí, chỉ có Thiện vô lậu, gọi là năm Thánh trí, Thành Thật luận quyển 19 có thuyết minh rộng trí này, dẫn kinh có khác chút ít, nghĩa thì không trái nhau.

Đoạn văn thứ tám, năm chi Tam-ma-địa của Thánh, trong bốn Tĩnh lự, Định của chư Hiền thánh, mỗi một Định phân làm bốn, quán sát an lập đoạn trừ kết phược, tất cả Thánh định làm chi thứ năm. Trong Thành Thật luận, Tứ thiền hợp chung làm ba chi, Hỷ tướng của Sơ thiền và Nhị thiền đồng làm một chi, Đệ tam thiền lấy Ly hỷ lạc làm một chi, Đệ tứ thiền lấy Thanh tịnh tâm làm một chi, y theo ba chi này có thể sinh Minh tướng và Quán tướng. Minh tướng đó cùng với Quán tướng làm nhân, có thể phá hoại năm Ấm, quán năm Ấm không cho nên gọi là Quán tướng, đây là y theo bốn Định mà riêng khỏi Nhân không quán và Pháp không quán phân làm hai chi. Năm Quán này có thể đến Niết-bàn gọi là Thánh, văn phân ba đoạn:

1. Nêu năm chi tổng dẫn kinh.
2. Trình bày riêng kinh giải thích năm chi.
3. Vấn đáp về Định tướng của năm chi.

Trong trình bày riêng kinh giải thích năm chi, giải thích chi thứ nhất có mười sáu câu, sáu câu đầu thuyết về Pháp, mười câu kế đó thuyết về Dụ. Trong Pháp thuyết thứ nhất, Ly sinh hỷ lạc một câu, các Tĩnh lự bất đồng, ngoài ra có thể thông với Hữu. Định sinh hỷ lạc là đã lìa Hỷ lạc thanh tịnh tĩnh lự, vì đó là tánh sai biệt của bốn Tĩnh lự, như trước đã giải thích, vì năm câu còn lại có thể có chung. Từ đây về sau trong các chi lại không có pháp thuyết, chỉ giải thích Dụ thuyết có khác nhau. “Ví như tuệ sáng suốt có thể tắm gội con người, hoặc các đệ tử kia...”, là sự tắm gội của Ấn Độ, có tắm gội cho người, thầy và đệ tử, cho nên lấy làm thí dụ. “Khí vật bằng đồng, bằng sành, vỏ sò...”, là thí dụ vì lìa Dục mà sinh Hỷ lạc. “Giáo thọ và giáo giới”, là như khi tắm gội thì lấy vật dụng bằng đồng đựng nước tro, bột đậu, bột tắm gội, đây là lấy ngôn giáo cũng như các khí vật kia, Sở thuyên của giáo có thể thuận theo khí vật kia mà ra khỏi Tầm... Các Thiện tịnh hạnh như bột đậu, bột mộc dục kia, tức là Vô gián đạo; dùng nước tắm rửa tức là giải thoát đạo, là Tầm thanh tịnh. “Mộc dục bác”, là Ấn Độ khi tắm gội xong, dùng quả cam cắt nhỏ, phơi khô làm thành bột, lấy mè tươi và dầu thơm hoà nhau, khiến cho thành sáp trơn không cứng không mềm, mới lấy thoa lên thân, để lấy sự thơm khiết trơn láng của nó, cho nên Mộc dục bác tức là bột cam khô, đây là thí dụ hành giả chưa đắc Định trở về trước, đang khô khan và thô trọng. “Liên đới với nhựa trơn”, là

thí dụ Hỷ; hoà hợp dầu thơm và mè, là sau khi Định, là Hỷ tươi nhuận thân như lấy dầu hoà vào.

Thí dụ thứ hai có sáu câu. Núi có nghĩa là cao, vì xuất Sơ thiên. Đỉnh nhọn là đến Nhất vị. Thắng giải, là núi cao đỉnh nhọn chỉ có một ngọn. Trong Định thứ hai chỉ có Nhất ý môn, là ngoài các cảnh tán loạn của Tâm tứ. Suối là thí dụ cho các tịnh trong ngoài... lưu xuất các nước Hỷ lạc, bên triền núi lưu xuất dòng nước to như trục xe, cho nên gọi là trục nước. Trên suối nước chảy vọt lan tràn sợi nước to như sợi dây kéo mức nước cho nên gọi là dây nước, Hỷ thấm nhuần như trục nước, Lạc thấm nhuần như dây nước, thấm nhuần tương ứng Ý như “lưu xuất bên triền núi”. Kế đó là năm căn, như trên nói chảy vọt lan tràn, cho nên lấy thí dụ “vọt” và thí dụ “tràn” nói trên.

Trong thí dụ thứ ba, từ câu “nước thí dụ là Hỷ không có Tâm tứ”, cho đến “thí dụ hoa thai tạng đặt trong nước”, câu này có ý hiển thị Định thứ hai như “nước”, nhân theo Hỷ dao động vọt lên như hoa sen vọt lên mặt nước, hoa thí dụ cho Hỷ. Định thứ ba này là Hỷ, không có Tâm tứ cũng như nước, Lạc của nó cũng như nụ hoa thai tạng chưa nở, còn trong nước thì gọi là hoa thai tạng, cùng với Định thuận nhau không dao động vọt lên, cũng như hoa trong nước.

Trong thí dụ thứ tư, có năm câu, “siêu vượt tai hoạ”, là tám thứ tai hoạ, là Tâm, Tứ, bốn Thọ và hai Tức (thở ra vào), trong hợp chung bốn câu, thứ tự phối hợp như trước. “Tám kinh, chín kinh lấy làm thí dụ”, là Ấn Độ dệt vải chồng nhiều lớp, dùng tám sợi tơ và chín sợi tơ làm một sợi dọc khi dệt chồng nhiều lớp, nhiều lớp đó khít chặt, như vậy mới làm thành tấm vải, bốn tấm năm tấm mới có thể khít chặt. “Vì trong sạch trắng tươi”, như chiếc áo dầy, có thể chịu đựng được nóng lạnh... các thứ khổ. “Vì sự khấp giáp của nó”, như nơi chỗ không có sương mù, tất cả chỗ tán động không thể xâm phạm.

Trong thí dụ thứ năm, từ câu “đối với Sở quán ân cần thành khẩn... giải thích như trước”, là quyển trước trong ba mươi hai tướng, quán sát tướng thứ hai mươi, câu “chư pháp thuyết”, là có Bí-sô ân cần thành khẩn, khéo lấy tướng đó mà quán sát; câu “Dụ thuyết”, là đứng thì quán đối với ngôi, ngôi thì quán đối với nằm, hoặc Hành sau quán sát Hành trước, cho nên thuyết này nói quán sát kỹ các Hành trong ba đời, đối với Năng quán sát cũng lại quán sát. Bốn Tĩnh lự trước, phân làm bốn chi, chi thứ năm này là đối với chi Năng quán ở trước lại càng quán sát kỹ, Sở quán sát này tức là Hành của ba đời, ngay tại tiền Hành mà quán tiền Hành, là quán lại ba vị, hoặc bốn chi trước tuy đã quán sát, nhưng

chi này lại càng quán sát kỹ hơn cảnh của ba đời kia, đối với Sở quán sát của Tiền năng quán sát, lại còn quán sát sau nữa. Thuyết dưới đây nói y theo quán sát kỹ duyên khởi, vì duyên pháp trong ba đời. Lại nữa, vì đoạn trừ cõi Vô sắc và kết phước khác mà kiến lập thí dụ thứ năm.

Đoạn văn thứ chín, trong Hữu nhân, Hữu cụ, Thánh, Chánh tam-ma-địa, văn có ba đoạn:

1. Hỏi.

2. Phân rõ tướng.

3. Từ câu “trong đây do tuệ làm dẫn đầu” trở xuống, giải thích nguyên do sinh khởi thứ tự trước sau.

- Phân rõ tướng có ba đoạn:

1. Giải thích Thánh.

2. Giải thích Hữu nhân Hữu cụ.

3. Giải thích Tam-ma-địa. Từ câu “nếu trong lúc đó xả Tà kiến...” trở xuống, là đoạn thứ hai, có ba đoạn:

a. Trình bày tên Nhân cụ.

b. Giải thích nguyên nhân của Nhân cụ.

c. Từ câu “Chánh kiến...” trở xuống, giải thích tướng của Nhân cụ.

Theo tám Đạo chi, sau Kiến đạo vị, hoặc trước Kiến đạo vị, tuy gọi là Chánh kiến... nhưng không phải là Đạo chi, tuy có Hành tướng kia, nhưng chưa được kiến lập, đến Tu đạo vị mới được tên Đạo chi. Hiện tại Sinh vị cũng gọi là Chánh kiến... các Kiến đạo vị... của nó tuy không lập Đạo chi, nhưng Thánh chánh Tam-ma-địa thì Đạo chi vị kia liền có, Chánh kiến... đối với Đạo chi kia cũng thành, nhưng do Chánh kiến dẫn Định trợ Định, hai vị Chánh kiến và Chánh định đều được tên chung là Nhân cụ, các chi còn lại thì không như vậy. “Niệm này tức là Tam-ma-địa phần...”, phần có nghĩa là nhân, là chỗ sinh nhân của Tam-ma-địa. Phần có nghĩa là loại, là phần loại tương tự của Tam-ma-địa. Niệm này đồng thời cũng có Chánh tam-ma-địa, nhưng chưa phải là Thánh chánh, sau khi có thể đoạn, có thể viên mãn thì mới gọi là Thánh chánh, vì Niệm đồng thời có Định cho nên nói kiêm luôn cũng là Kim cương dụ định. Nhị thừa y theo theo chín Địa, sáu Địa của cõi Sắc và ba Địa của cõi Vô sắc, Bồ-tát thì chỉ có Tĩnh lự thứ tư. Duy Thức có hai nghĩa:

1. Tĩnh lự này hiện tiền là đã đắc bốn trí, các Chủng tử của Hoặc thô trọng đã đồng thời xả.

2. Lúc này Dị thực thức đang ở tại Giải thoát đạo vị, bốn trí mới

khởi, rộng như Duy Thức kia nói.

Trong giải thích riêng Tông yếu của các kinh, có ba đoạn. Trên giải thích Giải thoát, Đăng trì đã xong, từ đây trở xuống giải thích Đăng chí. Trên trình bày có sáu đoạn, văn sau đây phân làm bốn đoạn:

1. Dẫn các kinh đã nêu.
2. Giải thích nghĩa Hiện kiến và Đăng chí.
3. Nêu ra Thể tánh tổng và lược.
4. Giải thích riêng Hành tướng.

“Chỗ đoạn phiên não, chế phục và đối trị của Tu đạo”, là Hiện kiến Đăng chí ban đầu. “Đoạn diệt đối trị”, là Đăng chí thứ ba. “Quán sát đoạn”, là ba Đăng chí sau, cùng với tông của Tiểu thừa không đồng. Tông kia nói: “Một là quán ba mươi sáu vật của tự thân, các thứ đều là bất tịnh. Hai là trừ bỏ thịt da.. chỉ quán xương trắng. Hai quán trên đều thông với chỗ đặc của phàm và Thánh. Ba là quán bộ xương của thân, Thức hiện hành trong đó, cũng trụ đời hiện tại, cũng trụ đời vị lai, tức là hai quả đầu, vì chưa lìa Dục. Bốn là quán bộ xương của thân, Thức hiện hành trong đó, không trụ đời hiện tại, chỉ trụ đời vị lai, tức là quả Bất hoàn, vì đã lìa Dục. Năm là quán bộ xương của thân, Thức hiện hành trong đó, không trụ đời hiện tại, không trụ đời vị lai, tức là A-la-hán, vì Lậu đã tận”. Hai quán đầu gọi là Hiện kiến, ba quán sau là do chỗ khởi của Hiện kiến duyên nó, cho nên cũng gọi là Hiện kiến. Luận này thì không như vậy, cả năm quán đều là Thánh đặc, vì thân cận quán sát rõ ràng cho nên gọi là Hiện kiến.

Hai quán đầu, luận có hai loại giải thích:

1. Loại thứ nhất: Quán Bất tịnh thứ nhất, chính là Niệm trụ, lấy phương tiện niệm trụ mà làm y chỉ. Quán Bất tịnh thứ hai, tức là Hậu niệm trụ, lấy Niệm trụ thứ nhất làm y chỉ. Đây là phỏng theo Sở y, Gia hạnh căn bản duyên khởi sai biệt mà hiển hai quán Bất tịnh, ban đầu duyên Bất tịnh, sau đó quán xương người. Tối cực thông đạt, là xanh, sinh... quán, đây là nói quán xương trắng, là nghĩa Tối cực thông đạt trong quán Bất tịnh, là xanh, sinh... sau đó tuần tự đến cuối cùng, vượt qua quán nghĩa của Tham...

2. Loại thứ hai: Một là quán Bất tịnh quán sát nội thân. Hai là quán Bất tịnh thông đạt pháp tánh. Đây là y theo sự lý của cảnh giới Sở duyên cận sâu mà duyên khởi khác nhau, hiển hai quán Bất tịnh. Trong Căn bản quán, Bất tịnh cảnh và tánh là hai loại riêng khác, do đó trước nói đoạn diệt đối trị. “Quán thức lưu chuyển”, là giải thích Quán sát đoạn ở trước, tức là ba quán sau, nói quán các Thức đoạn và chưa đoạn.



“Quán sát Thức này sinh diệt tương tục”, là câu tổng quát, hoặc quán sinh thân, hoặc quán sát-na, hai loại Thức chuyển.

Từ đây trở lên là tổng giải thích nghĩa Quán sát đoạn, từ câu “quán sát Hữu học chưa lìa Dục” trở xuống, là giải thích ba Đẳng chí. Đồng thời trụ hai đời, là Thức hiện tại và Thức vị lai, vì đồng thời có trói buộc. Chỉ trụ đời khác, vì chỉ có Thức đời vị lai có trói buộc. Đồng thời Vô sở trụ, là vì hai đời không có trói buộc.

Trong Vô tướng đẳng chí, “nói trong Sinh này cũng nhập cũng khởi”, là nhập Vô tâm, khởi Hữu tâm, đây là nói đối với Định, dưới đây nói đối với quả. Nếu Sinh đối với Định kia chỉ có nhập mà không có khởi, là chỉ có Thức thứ bảy, lược có hai giải thích:

a. Khi mới sinh thì Vô tâm, vì Trung hữu chưa có tâm, cho nên nói chỉ có nhập.

b. Khi mới sinh Hữu tâm, sau đó trụ Vô tâm, cho nên gọi là nhập.

Nếu không như thế thì khi mới sinh chưa khởi tâm, tại sao gọi là nhập? Trước thì có, sau đó thì không có mới gọi là nhập. Tướng của nó nếu sinh từ chỗ chìm mất, thì chỗ chìm mất kia có hai thuyết:

a. Mạt hậu vô tâm: Nếu từ chỗ đang chìm mất kia, thì cũng chưa có tâm, không khởi tâm nhuận sinh... cho nên Trung hữu của cõi dưới khi mới sinh gọi là Tướng, nếu sinh thì liền từ chỗ đã chìm mất kia.

b. Mạt hậu hữu tâm: Nếu Tướng của nó sinh, tâm nhuận sinh đấy khởi thì gọi là từ chỗ chìm mất kia. Các môn khác cũng như Duy Thức, quyển 53, Đối Pháp luận quyển 2, Hiền Dượng luận quyển 1...

Trong giải thích Diệt định, “đã lìa Dục của Vô sở hữu”, là đoạn và chưa đoạn, vì cần phải chế phục xong nhiễm ô của cõi dưới. “Người y theo Diệt tận tướng mà nhập Định, cũng lại như vậy”, là trước đã chán xả tâm, thì tâm liền tịch diệt. “Y theo người mới tu”, là chưa chứng đắc Tự tại. Luận này thì tùy ý tác khởi hành tướng của Phi tướng xứ, các Hữu tướng tâm tùy ý diệt tận, cùng với trước tương tự. Trước nói cũng vậy, là người tu lâu thì mặc tình tùy ý mà thành, hoặc mới duyên hạnh Hữu vi, chán xả tướng tâm, sau đó duyên hạnh Vô vi, chán xả tướng tâm, nghĩa chán xả đồng nhau, cho nên nói “cũng vậy”. Luận này có hai loại, là khi hành và khi trụ phân đồng. Sơ định có bốn Thức thân, trên tâm duyên bên ngoài, như người ra ngoài, cho nên nói khi hành, lúc này ba hạnh cũng còn tồn tại. Hiện tại nói thứ tự hai Định trở lên, tâm không duyên bên ngoài, như ở trong nhà, gọi là khi trụ. Diệt ba loại hạnh, thì hai Định diệt ngữ hạnh, bốn Định diệt thân hạnh, Diệt định diệt

tâm hạnh, cho nên nói thứ tự diệt ba loại hạnh. Thứ tự khởi, là y theo người chưa Tự tại mà nói như vậy. Đắc tự tại vị, như văn trước đã nói, tùy ý có thể nhập vượt qua tất cả Địa. “Tùy ý có thể nhập...”, là tuy có kỳ hạn mong cầu, luận này nói không có kỳ hạn mong cầu. “Xuất định duyên ba loại cảnh, tiếp xúc ba loại Xúc”, là y theo chưa tự tại, nghĩa chủ yếu là thứ tự, lấy Định tâm xuất định, tiếp xúc với Bất động xúc là Không đẳng trì, tiếp xúc với Vô sở hữu xúc là Vô nguyện đẳng trì, tiếp xúc với Vô tướng xúc là Vô tướng đẳng trì. Y theo Tự tại, là siêu vượt tất cả Địa, tùy chỗ khởi Định của nó mà hoặc định hoặc tán, duyên sự duyên lý, duyên trong duyên ngoài, xúc với ba thứ Xúc. Thể của ba Hữu bên trong gọi là Hữu cảnh, sáu Trần bên ngoài gọi là Cảnh cảnh. Do nhập Định mà chiết phục tâm rồi, thì phiền não bất động, ba Căn không nhiễu loạn, không phải chỗ loạn của tướng, chỉ lấy thiện tâm mà xuất Định. Hiện tại xem xét ý văn, phần nhiều là y theo Định tâm mà xuất, vì xúc với ba loại Xúc.

